

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

-----o0o-----


(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020
/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ trưởng
Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố
thông tin trên thị trường chứng khoán)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên đơn vị : CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3
Địa chỉ : 86 Tân Xuân- Xuân Đình-Bắc Từ Liêm- Hà Nội
Năm báo cáo: 2023

I. Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát

Tên công ty:	Công ty Cổ phần LILAMA 3
Tên tiếng Anh:	LILAMA 3 Joint Stock Company
Tên viết tắt:	LILAMA 3.,JSC
Biểu tượng:	
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:	2600104526 (Đăng ký lần đầu ngày 22/06/2006 Đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 13/04/2022)
Vốn điều lệ:	51.500.000.000 đồng
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:	
Địa chỉ:	Số 86, đường Tân Xuân, Phường Xuân Đình, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội
Điện thoại	04. 3 8182554
Fax	04. 3 8182550
Website	www.lilama3.vn
Mã cổ phiếu	LM3

- Quá trình hình thành và phát triển

Công ty cổ phần Lilama 3 là thành viên của Tổng Công ty lắp máy Việt Nam tiền thân là Công trường lắp máy C1 Việt trì được thành lập vào ngày 01/12/1960. Trải qua quá trình xây dựng và phát

triển đến nay. Với gần 1000 cán bộ nhân viên công nhân kỹ thuật lành nghề cùng hệ thống thiết bị thi công tương đối hiện đại, Công ty đã khẳng định được vị thế và thương hiệu của mình trên thị trường từng bước hội nhập với sự phát triển của khu vực và thế giới. Với bề dày lịch sử phát triển hơn nửa thế kỷ, các dự án, công trình do Công ty đảm nhiệm thi công đã và đang hoạt động tốt mang lại nhiều lợi ích kinh tế cho đất nước như: Các Nhà máy Nhiệt Điện: Phả Lại, Uông Bí, Phú Mỹ, BARH - Ấn Độ, An Khánh, Vũng Áng, Mông Dương; Duyên Hải 3; Vĩnh Tân 4; Vĩnh Tân 4 Mở rộng; Thái Bình 2; Sông Hậu 1; Nghi Sơn 2....; Các Nhà máy Thủy điện: Hoà Bình, Trị An, YALY, Ngòi Phát; Nậm Mạ; Nhà máy sản xuất vật liệu xây dựng : Xi măng Chinfon Hải Phòng, Bim Sơn, Nghi Sơn, Bút Sơn Cẩm Phả, Yên Bình, Yên Bái, Xi măng Sông Thao, Hồng Phong – Lạng Sơn; Nhà máy giấy Bãi Bằng, Việt Trì, Tissue Cầu Đuông, Nhà máy sản xuất hoá chất: Supe phốt phat lâm thao, Tuyển quặng Apatit Lao cai, Giấy Phương Nam, Nhà máy chế biến bột CACOO3 Bắc Kạn, Các Nhà máy công nghiệp thực phẩm : Rượu Bia Hà Nội, Rượu Bia Viger, Đường Quỳ Hợp, Bia Tiger, Dự án Đóng sông vận chuyển vật liệu cho Nhà máy Xi măng Yên Bình, Dự án Trung Tâm Hội nghị Quốc Gia, Trung tâm thể thao Quốc gia, CT Honda Việt Nam, NM YAMAHA Việt Nam, NM điện tử SANKOH Hoà Bình, Nhà máy lọc dầu Dung Quất, Chế tạo kết cấu thép SHIP RAIL cho Nhật, Chế tạo Sàn nâng tàu Nosco Vinaline, CT Bộ Công An, Chế dầm thép cho CT Cầu Nhật Tân; CT Cục Viễn Thông; CT Vinacomin....

Tháng 6/2006, Công ty đã thực hiện quyết định số 449/QĐ-BXD ngày 16/03/2006 của Bộ trưởng Bộ xây dựng về việc chuyển Công ty Lắp máy và xây dựng số 3 thuộc Tổng công ty Lắp máy Việt Nam thành Công ty cổ phần LILAMA 3 với vốn điều lệ là 11,5 tỷ đồng, đến tháng 6/2007 công ty đã tiến hành tăng vốn điều lệ lên 51,5 tỷ đồng. Theo định hướng chiến lược phát triển đến năm 2010 và các năm tiếp theo Công ty chú trọng đến công tác đào tạo nguồn nhân lực, nâng cao tay nghề của cán bộ, công nhân. Cùng với sự đầu tư đúng hướng về con người Công ty còn quan tâm xây dựng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001-2000 nhằm đảm bảo chất lượng của các công trình đáp ứng những đòi hỏi khắt khe nhất của khách hàng. Với năng lực hiện có và kinh nghiệm thu được khi hợp tác với các tập đoàn lớn trên thế giới như ABB, Hyundai, Jacobsen, MaRuMeNi... để phát triển công ty trong những năm tới công ty luôn tìm và mở rộng các đối tượng khách hàng mở rộng thị trường kinh doanh mới. Đồng thời nâng cao năng lực sản xuất sản phẩm trên cơ sở được công ty đầu tư tại Nhà máy chế tạo cơ khí và đóng tàu Bạch Hạc phục vụ cho thị trường sản xuất các sản phẩm cơ khí và các cấu kiện phục vụ cho các dự án xây dựng công trình lọc dầu, NM nhiệt điện, thủy điện, NM sản xuất giấy, xi măng, bên cạnh đó công ty cũng đang quan tâm tới công nghệ mới trong xây dựng nhà cao tầng với kết cấu dầm thép để tham gia sâu vào lĩnh vực xây dựng nhà cao tầng hiện đại, ngoài ra công ty cũng tìm kiếm và phát triển lĩnh vực kinh doanh sang các đối tác nước ngoài như: Nhật Bản, Hàn Quốc, Đức

Tháng 12 năm 2009 cổ phiếu của công ty đã chính thức được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) với:

Tên chứng khoán	: Cổ phiếu Công ty Cổ phần LILAMA 3
Mã chứng khoán	: LM3
Số lượng cổ phiếu niêm yết	: 5.150.000 cổ phiếu

Ngày 31/03/2016, Tổng công ty lắp máy Việt Nam - Lilama đã chuyển nhượng toàn bộ 2.563.600 cổ phần nắm giữ tại Công ty cổ phần Lilama 3 sang Công ty TNHH mua bán nợ Việt Nam – DATC.

Ngày 25/03/2022 Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC) đã chuyển quyền sở hữu 2.563.600 cổ phiếu tại LILAMA3 cho Ông Doãn Thanh Tuấn

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

2.1. Ngành nghề kinh doanh:

- ✚ Khai thác, sản xuất, kinh doanh vật tư, thiết bị, vật liệu xây dựng (gạch, gạch lát, tấm lợp, đá ốp lát, đất đèn, ôxy, que hàn, đá...);
- ✚ Khảo sát, thiết kế, tư vấn xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng; Khảo sát thiết kế hệ thống thông tin liên lạc
- ✚ Tư vấn thiết kế công nghệ các dây chuyền sản xuất: Vật liệu xây dựng, giấy và chế biến lương thực thực phẩm;
- ✚ Thi công xây dựng: San ủi mặt bằng, thi công nền móng đường bộ....
- ✚ Thi công xây dựng các công trình công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp; công trình dân dụng (nhà ở) giao thông, công trình thủy lợi, các công trình quốc phòng; đường dây tải điện và trạm biến thế;
- ✚ Lắp ráp thiết bị máy móc cho các công trình; cung cấp, lắp đặt và bảo trì thang máy; trang trí nội thất công trình;
- ✚ Chế tạo và lắp đặt: Thiết bị nâng, dầm cầu trục đến 30 tấn, nồi hơi, ống áp lực và thiết bị chịu áp lực;
- ✚ Thiết kế, đóng mới tàu, thuyền, ca nô, xà lan và các phương tiện vận tải thủy đến 1000 tấn; sửa chữa các loại tàu, thuyền, ca nô, xà lan và các phương tiện vận tải thủy;
- ✚ Đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà, bất động sản;
- ✚ Kinh doanh thương mại tổng hợp, nguyên vật liệu giấy, xăng dầu, khí hóa lỏng và chất đốt các loại;
- ✚ Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị và các dây chuyền công nghệ;
- ✚ Kinh doanh vận tải hàng hóa, hành khách đường bộ và đường thủy; dịch vụ xếp dỡ hàng hóa đường thủy, đường bộ

2.2. Địa bàn hoạt động:

Do tính chất đặc thù sản xuất kinh doanh của Công ty là sản xuất sản phẩm xây dựng cơ bản các công trình, Dự án xây lắp ở địa bàn xa trụ sở, Công ty đang thực hiện thi công rất nhiều các hạng mục công trình trọng điểm như:

✚ Tỉnh Hà Tĩnh: Dự án NM Nhiệt điện Vũng Áng 1, NM thép Formosa Hà Tĩnh, Nhiệt điện Vũng Áng 2..

✚ Tỉnh Lào Cai: Dự án lắp dựng nhà máy tuynen quặng Apatit do Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam làm chủ đầu tư; Dự án Thủy điện Ngòi Phát do Công ty CP Phát triển điện Miền Bắc 2 (NEDI 2) làm chủ đầu tư, Dự án DAP2....

✚ Tỉnh Thái Nguyên: Xây dựng và lắp đặt Dự án mở rộng sản xuất giai đoạn 2 Tisco do Công ty CP Gang thép Thái nguyên làm chủ đầu tư; ...

✚ Tỉnh Hậu Giang: Công trình Nhà máy nhiệt điện Sông Hậu 1

- ✚ Tỉnh Thanh Hóa: CT NM Lọc hóa dầu Nghi Sơn; Nhiệt điện Nghi Sơn 2
- ✚ Tỉnh Phú Thọ: CT NM Giấy Bãi Bằng; NM Hóa Chất Việt Trì, NM Giấy VT
- ✚ Tỉnh Tuyên Quang: NM Giấy An Hòa; NM Quặng Sắt Hà Quang
- ✚ Và một số địa bàn khác như Duyên Hải – Trà Vinh, Nhơn Trạch – Đồng Nai, Vĩnh Tân 4- Bình Thuận, Phú Mỹ 2; Cần Thơ; Hưng Yên, Thái Bình
- ✚ TP Hà Nội: TT Hội nghị Quốc gia; Bảo tàng Hà Nội; Trụ sở Cục Viễn thông; Trụ sở Tập đoàn Than và khoáng sản Việt Nam (Vinacomin); TTTM&DV tổng hợp- Tập đoàn vàng bạc đá quý Doji; Trụ sở Bộ Công An; Nhà xưởng Đông Anh-Doji; Cung thiếu nhi Hà Nội..

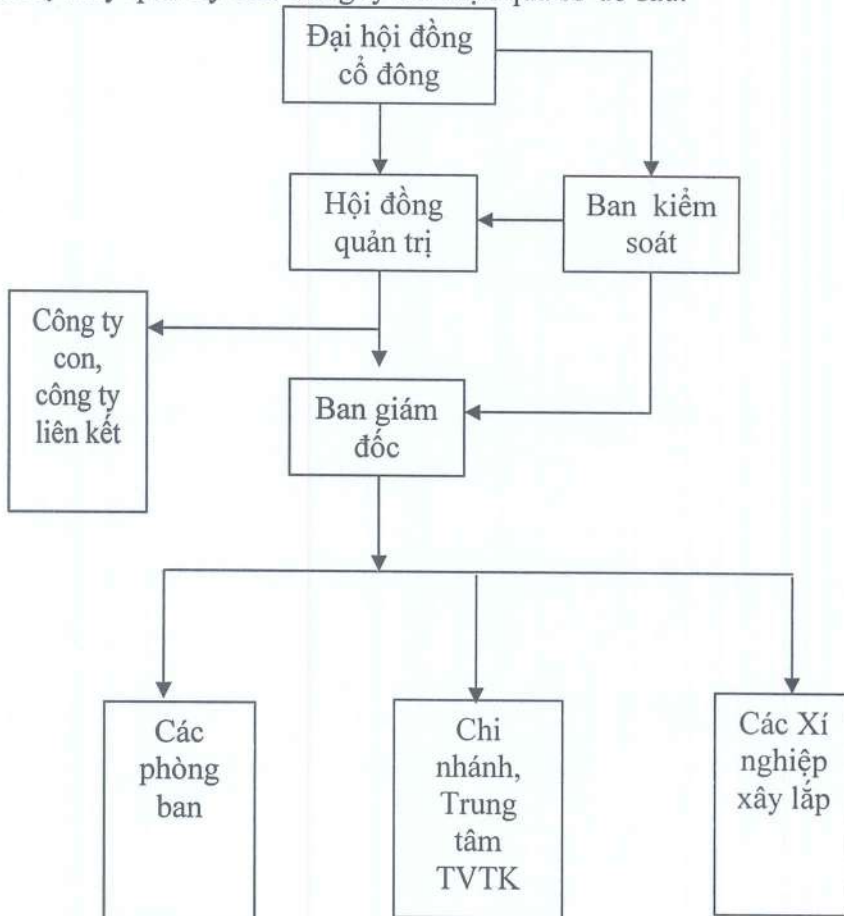
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

3.1. Mô hình quản trị:

Mô hình quản trị của Công ty bao gồm: Đại hội đồng cổ đông; Hội đồng Quản trị; Ban Kiểm soát, Ban giám đốc đứng đầu là Tổng Giám đốc và các Phó tổng giám đốc. Cơ cấu tổ chức của Công ty Mẹ được xây dựng trên nguyên tắc phân công, quản lý theo các khối chức năng công việc, có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Tổng Giám đốc Công ty quản lý, điều hành thông qua việc phân cấp, phân quyền để trực tiếp giải quyết các công việc cụ thể của khối thông qua các Phó tổng giám đốc phụ trách khối.

3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý:

Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty thể hiện qua sơ đồ sau:



Đại hội đồng cổ đông: Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Tất cả các cổ đông có quyền bỏ phiếu và người được cổ đông ủy quyền đều được tham dự ĐHCĐ thường niên được tổ chức mỗi năm một lần.

3.3. Các công ty con và công ty liên kết:

- **Công ty Cổ phần LILAMA 3.4:** Được thành lập theo quyết định số 39/QĐ - HĐQT, ngày 31/12/2009 của Hội đồng quản trị Công ty CP LILAMA 3 và được Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 2600658877.

+ Trụ sở chính: tại 931, Đại lộ Hùng Vương, TP Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

+ Đăng ký lần đầu, ngày 06/01/2010, đăng ký thay đổi lần 1 ngày 17/06/2010 và thay đổi lần 4 ngày 10/02/2012 với Vốn điều lệ: 6.000.000.000 đồng (*Sáu tỷ đồng chẵn*) Công ty CP LILAMA 3 góp 51% vốn điều lệ tương ứng với: 3.060.000.000 đồng, các thể nhân khác góp 49% vốn điều lệ tương ứng với: 2.940.000.000 đồng.

+ Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Sản xuất các cấu kiện kim loại, gia công kim loại; lắp đặt hệ thống điện nước; gia công cơ khí, lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; xây dựng nhà các loại, công trình kỹ thuật dân dụng, đường sắt, đường bộ; Kinh doanh buôn bán máy móc, thiết bị phụ tùng, xăng dầu và vật liệu xây dựng ...

- Công ty TNHH LILAMA 3 – DAI NIPPON TORYO (Công ty liên kết)

+ Địa chỉ: Lô 24, KCN Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội

+ Giấy phép kinh doanh số 012022000320-KD cấp lần đầu ngày 30/09/2012 với số vốn điều lệ là 11.400.000.000 đồng Công ty Cổ phần LILAMA 3 góp 5.814.000.000 đồng (*Năm tỷ, tám trăm mười bốn triệu đồng chẵn*) tương đương 51% VDL Công ty DAI NIPPON TORYO Nhật Bản góp: 5.586.000.000 đồng tương đương 49% VDL

+ Ngành nghề sản xuất kinh doanh chính: Thực hiện quyền nhập khẩu; quyền xuất khẩu; quyền phân phối buôn bán, bán lẻ các hàng hóa: Sơn, vecni làm từ các loại Polyme tổng hợp hoặc polymer tự nhiên; matit để gắn kính, ghép nối các vật liệu; thiết bị cơ khí để phun bắn, phun rải hoặc phun áp lực; các loại máy trộn, máy nhào, máy xay...

+ Ngày 28/12/2023 Công ty cổ phần LILAMA3 đã chuyển nhượng 2% vốn góp thuộc sở hữu của Công ty cổ phần LILAMA3 tại Công ty TNHH Lilama3-Dai Nippon Toryo theo các quy định của Luật doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan. Tổng số vốn góp chuyển nhượng là 228.000.000 đồng. Như vậy kể từ ngày 28/12/2023 Công ty cổ phần LILAMA3 chỉ còn góp 49% Vốn điều lệ tại Công ty TNHH LILAMA3-Dai Nippon Toryo.

- Công ty cổ phần xây dựng số 8 Thăng Long

+ Địa chỉ: Số 86 Đường Tân Xuân- P.Xuân Đình- Q.Bắc Từ Liêm- Hà Nội

+ Sở kế hoạch đầu tư TP Hà nội cấp Giấy phép kinh doanh số 0100105542 lần đầu ngày 02/05/1996, thay đổi lần thứ tám ngày 21/04/2020 với số Vốn điều lệ là 15.000.000.000 đồng (*Mười lăm tỷ đồng chẵn*) trong đó Công ty Cổ phần LILAMA 3 góp 10.800.000.000 đồng (*Mười tỷ, tám trăm triệu đồng chẵn*) tương đương 72% VDL, các cổ đông khác 4.200.000.000 đồng tương đương 28% VDL

+ Ngành nghề sản xuất kinh doanh chính: xây lắp cầu đường...

4. Định hướng phát triển:

4.1. Các mục tiêu phát triển chủ yếu của Công ty:

+ Mở rộng thị trường hoạt động kinh doanh trong nước, khu vực và thế giới.

+ Tiếp tục duy trì sản lượng gia công chế tạo thiết bị phi tiêu chuẩn và xây dựng lắp đặt các công trình công nghiệp trên thị trường nội địa, đặc biệt chú trọng xây dựng uy tín, tạo dựng vị trí vững chắc trên thị trường chiến lược dọc theo hành lang Sông Thao, khu vực lân cận và thị trường miền Trung, Miền Nam; Miền Tây...

+ Tiếp tục nghiên cứu, phát triển các sản phẩm mang đặc thù riêng của LILAMA3 và các sản phẩm cơ khí có công nghệ và giá trị gia tăng cao.

+ Chú trọng khai thác tiềm năng chế tạo thiết bị cơ khí xuất khẩu ra nước ngoài. Tiếp tục dịch chuyển cơ cấu sản xuất, nâng cao tỷ trọng chế tạo thiết bị trong tổng doanh thu để giảm bớt các yếu tố rủi ro trong ngành xây lắp.

4.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Nền kinh tế của Thế giới nói chung cũng như Việt Nam nói riêng gặp rất nhiều khó khăn do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid kéo dài, ảnh hưởng của cuộc xung đột giữa Nga và Ukraine. Trong năm 2023, LILAMA 3 tiếp tục duy trì sản lượng gia công chế tạo thiết bị phi tiêu chuẩn và xây dựng lắp đặt các công trình công nghiệp nội địa, đặc biệt chú trọng xây dựng uy tín, khai thác tiềm năng chế tạo sản phẩm cơ khí xuất khẩu ra nước ngoài, hợp tác liên doanh với các đối tác nước ngoài để thực hiện một số dự án thi công các công trình xây dựng cơ bản trong nước như các nhà máy Nhiệt điện...

4.3. Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng)

Là một đơn vị sản xuất sản phẩm xây lắp có chu kỳ sản xuất dài, sản xuất thi công tại các địa bàn khác nhau ở trong nước song LILAMA3 luôn luôn xác định mục tiêu: Đảm bảo về môi trường, xã hội và cộng đồng. Trong quá trình sản xuất kinh doanh phát triển mô hình cũng như tìm kiếm các nguồn lực sản xuất, Công ty luôn chú trọng tới việc vệ sinh môi trường, xử lý rác thải, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên với những việc cụ thể như cung cấp nước sạch hợp vệ sinh và điều kiện môi trường nơi sinh sống, cải thiện điều kiện ở của công nhân tại các công trường; hạn chế sự gia tăng ô nhiễm, đồng thời tích cực phòng ngừa và xử lý ô nhiễm công nghiệp. Với xã hội và cộng đồng, LILAMA3 luôn cam kết trở thành đối tác đáng tin cậy với tất cả các bên hữu quan, xây dựng và duy trì mối quan hệ tin tưởng và tôn trọng lẫn nhau. LILAMA3 đảm bảo việc làm, thu nhập ổn định của tất cả người lao động. LILAMA3 có rất nhiều mối quan hệ với khách hàng và nhà cung cấp, nỗ lực tạo niềm tin và định hướng phát triển của Công ty trong tương lai với các đối tác.

5. Các rủi ro (Các rủi ro được trình bày cụ thể trong phần Thuyết minh Báo cáo tài chính của Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2023 – Mục VIII: Phần thuyết minh Báo cáo tài chính)

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

✦ **Hoạt động sản xuất kinh doanh:**

Dù đại dịch Covid-19 đã chính thức kết thúc, năm 2023 vẫn là một năm đầy bất bình với kinh tế thế giới, khi các nền kinh tế đang đầu với lạm phát và lãi suất cao, mức nợ lớn- hệ quả của thời kỳ chống dịch và căng thẳng địa chính trị đã ảnh hưởng đến phương diện kinh tế và thương mại của toàn cầu nói chung và của Việt Nam nói riêng. Lưu thông hàng hóa, dịch vụ và lao động không còn như trước khiến cho mọi hoạt động kinh tế, thương mại và đầu tư không thể thông suốt và hiệu quả. Mặt khác, cuộc xung đột giữa Nga và Ukraine vẫn tiếp tục diễn ra nhưng một cuộc chiến tranh khác bất ngờ bùng lên vào Tháng 10/2023 ở dải Gaza giữa Israel và lực lượng Hamas của Palestine đã tác động lớn đến thị trường tài chính và giá hàng hóa toàn cầu như năng lượng và lương thực. Nền kinh tế Việt Nam cũng bị tác động lớn, hoạt động thương mại và đầu tư bị ảnh hưởng, sản xuất nông nghiệp gặp nhiều khó khăn, chuỗi cung ứng nguyên nhiên liệu phục vụ cho sản xuất bị đình trệ, giá dầu cao khiến chi phí hậu cần và vận chuyển tăng, giá thép và nhiều nguyên liệu đầu vào tăng, chi phí sản xuất hàng hóa tăng, làm cho tiêu dùng và tiến độ giải ngân đầu tư trong nền kinh tế, bao gồm cả đầu tư công chậm lại do giá tăng cao và biến động khó lường.

Một số Doanh nghiệp sai phạm liên quan đến thị trường trái phiếu doanh nghiệp, thị trường chứng khoán đã và đang gây ra nhiều hệ lụy đối với việc phát triển bền vững thị trường vốn, đối với xã hội, gây mất niềm tin của người dân và nhà đầu tư, đã tác động tiêu cực đến các khả năng huy động vốn của nhóm doanh nghiệp cùng ngành, nhiều doanh nghiệp Bất động sản đã trải qua giai đoạn khó khăn chưa từng có, biểu hiện qua việc dừng, hoãn hoạt động đầu tư, thi công xây dựng một số dự án, dừng triển khai các dự án mới .v.v.

Để hỗ trợ Công ty trong việc tái cấu trúc tài chính và ổn định sản xuất kinh doanh, Ông Doãn Thanh Tuấn đã đồng ý không tính lãi khoản nợ đã mua từ DATC phát sinh từ thời điểm 01/01/2023 đến 31/12/2023. Công ty đã được Ông Doãn Thanh Tuấn đồng ý về việc hoán đổi nợ thành cổ phiếu tương ứng đồng thời Ông Doãn Thanh Tuấn cam kết sẽ hỗ trợ doanh nghiệp trong việc tìm kiếm việc làm, tái cấu trúc tài chính cho doanh nghiệp thông qua phê duyệt các biện pháp cơ cấu tài chính để doanh nghiệp thoát khỏi tình trạng âm vốn chủ sở hữu.

✚ Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2023 là năm tài chính thứ mười tám của Công ty cổ phần LILAMA 3 hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần.

- Tổng doanh thu	:	90.122.597.829, đồng
- Tổng lợi nhuận trước thuế	:	590.551.856, đồng
- Thu nhập bình quân người/ tháng	:	10.715.056, đồng

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Danh sách ban điều hành:

Ban điều hành Công ty hiện nay có một Tổng Giám đốc, hai Phó tổng giám đốc điều hành, 01 Kế toán trưởng. Tổng Giám đốc Công ty do HĐQT bổ nhiệm hoặc bãi nhiệm theo nghị quyết được thông qua hợp thức.

Cơ cấu Ban Giám đốc hiện tại như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
Ông Đinh Tiến Thành	Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm 09/04/2022
Ông Nguyễn Tăng Phụng	Phó Tổng Giám đốc	
Nguyễn Hải Phong	Phó Tổng Giám Đốc	
Nguyễn Đức Thịnh	Kế toán trưởng	

Lý lịch tóm tắt của Ban điều hành công ty:

1. Ông Đinh Tiến Thành – Tổng giám đốc công ty.

Giới tính	Nam
Ngày sinh	06/12/1981
Số CMTND	164110568
Nơi sinh	Ninh Bình
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Ninh Bình
Địa chỉ thường trú	A30, Tổ 58, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, TP Hà Nội
Số ĐT cơ quan	0243.8182554
Trình độ văn hoá	10/10
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư xây dựng Dân dụng và Công nghiệp
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"> - Từ tháng 8/2004 đến tháng 01/2006: Kỹ sư xây dựng tại Trung tâm Tư vấn thiết kế- Công ty CP LILAMA 3. - Từ tháng 02/2006 đến 09/2009: giữ chức vụ Phó giám đốc Trung tâm TVTK - Từ Tháng 10/2009 đến tháng 9/2019: giữ chức vụ Giám đốc Trung tâm TVTK - Từ Tháng 5/2018 đến tháng 8/2019: giữ chức vụ Giám đốc Trung tâm TVTK kiêm Phụ trách phòng Kinh tế Kỹ thuật.

- Từ Tháng 9/2019 đến Tháng 3/2022: giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc Công ty CP LILAMA3 kiêm Giám đốc Trung tâm TVTK.

- Từ Tháng 4/2022 đến nay giữ chức Tổng giám đốc Công ty CP LILAMA3 kiêm Giám đốc TVTK

2. Ông: Nguyễn Tăng Phụng – Phó Tổng Giám đốc

Giới tính	Nam
Ngày sinh	27/12/1965
Số CMTND	011304477
Nơi sinh	Quảng Ninh
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Bắc Ninh
Địa chỉ thường trú	Số 3-548/15 Nguyễn Văn Cừ-Long Biên-Hà Nội
Số ĐT cơ quan	0210.3910.510
Trình độ văn hoá	10/10
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư xây dựng
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none">- Từ 08/1989 đến 05/1996: Kỹ sư Công ty lắp máy và xây dựng Hà Nội.- Từ 06/1996 đến 08/1998: Đội trưởng Công ty lắp máy và xây dựng Hà Nội.- Từ 09/1998 đến 07/2000: Phó trưởng đại diện LILAMA tại dự án Nhiệt điện Phả Lại.- Từ 08/2000 đến 04/2001: Học viên Trường đào tạo cán bộ ngành xây dựng.- Từ 05/2001 đến 09/2001: Trưởng đại diện LILAMA Granit Tiên Sơn.- Từ 10/2001 đến 09/2006: Phó Giám đốc Công ty chế tạo thiết bị và đóng tàu Hải Phòng.- Từ 10/2006 đến 09/2007: Phó giám đốc Ban quản lý dự án huyện Gia Lâm.- Từ 10/2007 đến nay: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần LILAMA 3.
Chức vụ công tác hiện nay	Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần LILAMA 3.

4/ Ông Nguyễn Hải Phong- Phó Tổng giám đốc

Giới tính	Nam
Ngày sinh	04/12/1974
Số CMTND	011895860
Nơi sinh	Hà Nội
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Phú Thọ
Địa chỉ thường trú	P 205, B3- Nghĩa Tân- Quận Cầu Giấy, TP Hà Nội
Số ĐT cơ quan	043.8182554
Trình độ văn hoá	10/10
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none">- Từ tháng 8/2005 đến tháng 10/2005: Nhân viên Trung tâm tư vấn thiết kế - Lilama 3-Văn phòng đại diện của Lilama3 tại Hà Nội.- Từ tháng 11/2005 đến tháng 02/2007: Nhân viên phòng Vật tư Công ty LILAMA3 phụ trách tìm kiếm các loại vật tư, thiết bị tại khu vực Hà Nội phục vụ cho dự án.- Từ tháng 3/2007 đến tháng 3/2008: Phó phòng vật tư Công ty LILAMA3- Từ tháng 4/2007 đến tháng 8/2011: Quyền Trưởng phòng Vật tư Công ty LILAMA3- Từ tháng 9/2011: Tổng giám đốc Công ty TNHH LILAMA3 – DAI NIPPON TORYO.- Từ tháng 8/2018 tháng 8/2019: Chuyên gia tư vấn kinh doanh - Công ty Cổ phần LILAMA3.- Tháng 9/2019 đến nay: Phó tổng giám đốc Công ty CP LILAMA 3 kiêm Tổng giám đốc Công ty TNHH LILAMA3 – DAI NIPPON TORYO.

5/ Ông Nguyễn Đức Thịnh- Kế toán trưởng

Giới tính	Nam
Ngày sinh	14/08/1987

Số CMTND	168252094
Nơi sinh	Hà Nam
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Xã Liêm Trung- TP Phủ Lý- Tỉnh Hà Nam
Địa chỉ thường trú	Quận Cầu Giấy, TP Hà Nội
Số ĐT cơ quan	043.8182554
Trình độ văn hoá	10/10
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"> - Từ 01/04/2011 đến tháng 10/2012: Nhân viên Phòng Tài chính kế toán Công ty CP LILAMA 3. - Từ tháng 10/2012 đến tháng 12/2015: Phụ trách kế toán tại Trung tâm tư vấn thiết kế - Từ tháng 01/2016 đến tháng 8/2019: Phó phòng Tài chính Kế toán Công ty kiêm Phụ trách kế toán tại Trung tâm Tư vấn thiết kế. - Từ tháng 9/2019 đến Nay: Kế toán trưởng Công ty.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết trong Danh sách Ban điều hành Công ty:

T T	Tên cổ đông	Chức vụ	Đại diện vốn Nhà nước		Sở hữu cá nhân		Biến động
			Số lượng CP	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng CP	Tỷ lệ sở hữu	
1	Ông Đinh Tiến Thành	Thành viên HĐQT – Tổng Giám Đốc			20.674	0.401%	
2	Ông Nguyễn Tăng Phụng	Phó tổng giám đốc			9.500	0,184%	
3	Nguyễn Hải Phong	Phó tổng giám đốc			5.000	0.097%	
4	Nguyễn Đức Thịnh	Kế toán trưởng			0	0%	

2.2. Số lượng cán bộ, nhân viên trong năm:

+ Số lượng cán bộ công nhân viên bình quân năm 2023: 96 lao động

+ Chính sách đối với người lao động: Mặc dù sản xuất kinh doanh gặp nhiều khó khăn, công ty vẫn cố gắng thanh toán lương và giải quyết chế độ cho người lao động được kịp thời đáp ứng nguyện vọng người lao động, người lao động yên tâm công tác và gắn bó với Công ty. Hàng năm Công ty có tổ chức Hội nghị người lao động nhằm mục đích lắng nghe những tâm tư nguyện vọng của người lao động về các chính sách lao động, thỏa ước tập thể từ đó Công ty đưa ra những chính sách phù hợp và có lợi ích nhất cho người lao động.

3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án; tình hình hoạt động và tài chính các công ty con, công ty liên kết:

3.1. Các khoản đầu tư lớn::

- Trong năm 2023 Công ty không thực hiện việc đầu tư sửa chữa lớn.

3.2. Tình hình hoạt động SXKD của các công ty con, công ty liên kết:

a. Công ty cổ phần LILAMA 3.4.

- Trong năm 2023, Công ty đã dừng mọi hoạt động sản xuất kinh doanh để xử lý các tồn tại.

b. Công ty TNHH LILAMA3 – DAI NIPPON TORYO

Năm 2023 Công ty đã ngừng phân phối sản phẩm sơn của DNT và dung môi pha chế sơn. Nguồn thu hiện tại của Công ty dựa trên một hợp đồng dịch vụ với Công ty Fuji Star Roof và tiếp tục thu hồi công nợ.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty TNHH LILAMA3

– Dai Nippon Toryo:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2023	Ghi chú
- Tổng tài sản	Triệu đồng	3.171	
- Doanh thu thuần	Triệu đồng	191,9	
- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Triệu đồng	-134,4	
- Lợi nhuận khác	Triệu đồng	0,1	
- Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	-134,3	
- Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	-134,3	

4. Tình hình tài chính

4.1. Tình hình tài chính

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	% tăng (+) /giảm (-)
- Tổng tài sản	176.816,4	181.892,3	
- Doanh thu thuần	62.933,6	90.122,5	
- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(4.833,5)	2.390,4	
- Lợi nhuận khác	45.228,7	(1.799,9)	
- Lợi nhuận trước thuế	40.395	590,5	
- Lợi nhuận sau thuế	40.395	590,5	
- Tỷ suất lợi nhuận trả cổ tức			

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản lưu động/Nợ ngắn hạn)	0.00095	0.000497	
- Hệ số thanh toán nhanh (TSLĐ- Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	-0.06688	-0.06649	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
- Hệ số Nợ phải trả/Tổng tài sản	1.76819	1.74350	
- Hệ số Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	6.0708	6.1579	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
- Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho BQ)	2.60453	3.61505	
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0.355927	0.49547	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
- Hệ số LNST/ Doanh thu thuần	0.641869	0.006553	
- Hệ số LNST/ Vốn chủ sở hữu	-0.297399	-0.004367	
- Hệ số LNST/Tổng tài sản	0.228458	0.003247	
- Hệ số LN từ HĐKD/ Doanh thu thuần	-0.076804	-0.026525	
-			

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của Chủ sở hữu

5.1. **Cổ phần:** Tổng số cổ phần của Công ty CP LILAMA3 đã phát hành là 5.150.000 cổ phần. Trong đó:

- Số lượng cổ phần đang lưu hành theo từng loại là: 5.150.000 cổ phiếu phổ thông
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do là: 0 cổ phiếu
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng là: 0 cổ phiếu
- Số lượng cổ phần dự trữ, cổ phiếu quỹ theo từng loại: Không
- Cổ tức/lợi nhuận chia cho các thành viên góp vốn: 0%
- Những thay đổi về vốn cổ đông/ vốn góp: Không có.

5.2. Cơ cấu cổ đông:

Đến thời điểm hiện nay cơ cấu vốn góp của thành viên góp vốn trong nước trước đại hội cổ đông thường niên năm 2024 là:

TT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số lượng CP	Giá trị (Triệu đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Ông Doãn Thanh Tuấn		2.565.600	25.656	49,82%
2	Các tổ chức khác		22		
	Công ty CP chứng khoán SSI	72 Nguyễn Huệ, P.Bến Nghé – Q1- TPHCM	22		
3	Sở hữu cá nhân		2.550.578		49,52%
3.1	Ông Phan Kim Lân	49 Ngõ 48 Thọ Lão, Hai Bà Trưng - HN	102.298	1.022,980	1,98%
3.2	Ông Phạm Công Hoan	33D, ngõ 110 phố Quan Nhân, Thanh Xuân, Hà Nội	77.648	776,480	1,508%
3.3	Ông Nguyễn Tiến Thành	P505 C9B Nam Thành Công, Đống Đa, HN	77.601	776,010	1,506%
3.4	Các cá nhân khác		2.293.031	22.930,31	44,5 %
4	Cổ đông nước ngoài		33.800		0,65%
4.1	Yukiyoshi Taguchi	Japan	20.800	208	
4.2	LIN Wan Chu	Taiwan	13.000	130	

- Thông tin chi tiết về Cổ đông sáng lập là tổ chức:

TT	Tên cổ đông	Ngành nghề	Địa chỉ	Số lượng CP	Tỷ lệ sở hữu	Biến động
1	Tổng công ty Lắp máy Việt Nam	Chế tạo, xây dựng, lắp đặt	124- Minh Khai – HN	0 CP	0%	Giảm

- Thông tin chi tiết về cổ đông sáng lập là cá nhân:

TT	Tên cổ đông	Năm sinh	Địa chỉ	Nghề nghiệp	Số lượng CP	Tỷ lệ sở hữu	Biến động
1	Phan Kim Lân	1960	49 Ngõ 48 Thọ Lão, Hai Bà Trưng - HN	Tổng giám đốc	102.298	1,98%	
2	Đỗ Huy Vũ	1974	Phú Thượng – Hà Nội		0	0%	Giảm
3	Phạm Công Hoan	1959	33D, ngõ 110 phố Quan Nhân, Thanh Xuân, Hà Nội		77.648	1,51%	
4	Vũ Văn Định	1958	Phố Huế - Hai Bà Trưng – Hà Nội		0	0%	Giảm

II. Báo cáo và đánh giá của Ban giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính năm 2023:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2023	Thực hiện 2023	TH2023/KH 2023
1	Giá trị sản xuất kinh doanh	Tỷ VNĐ	123,842	95,162	76,84%
2	Doanh thu chưa thuế	Tỷ VNĐ	80	90,122	112,65%
3	Nộp ngân sách	Tỷ VNĐ	6,200	3,284	52,97%
4	Quỹ lương	Tỷ VNĐ	15,627	12,344	78,99%
5	LĐ SD bình quân	Người	130	96	73,8%
6	Thu nhập bình quân người/tháng	Tr.VNĐ	10,017	10,715	107%
7	Đầu tư	Tỷ VNĐ	0	-	
8	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ VNĐ	0,1	0,590	
9	Dự kiến chia cổ tức	%	-	-	

Đánh giá chung:

- Năm 2023 là một năm khó khăn chung cho nền kinh tế thế giới với sự giảm sút cả tăng trưởng GDP, thương mại và đầu tư toàn cầu; trong khi nợ xấu tăng và lạm phát vẫn duy trì ở mức cao, gắn với những diễn biến căng thẳng của các xung đột địa chính trị, thời tiết cực đoan và dịch bệnh diện rộng...

- Ngoài những khó khăn chung từ nền kinh tế thế giới thì kinh tế Việt Nam còn ảnh hưởng từ khủng hoảng thị trường trái phiếu doanh nghiệp, thị trường chứng khoán, thị trường bất động sản trong nước sụt giảm đã gây nên rất nhiều khó khăn cho Công ty trong hoạt động sản xuất kinh doanh, một số công trình bị tạm dừng thi công do Chủ đầu tư không bố trí đủ nguồn vốn thi công, hoặc thi công không đúng tiến độ, kéo dài .v.v. dẫn đến chậm nghiệm thanh toán và thu hồi vốn chậm trong khi đó Công ty vẫn phải duy trì bộ máy, trả lương nhân viên, thanh toán chi phí thuê Văn phòng, thuê kho bãi nhà xưởng, nhà ở cho công nhân, lương chờ việc, trả bảo hiểm xã hội...

- Công tác thu hồi nợ các dự án tồn đọng từ năm 2017 trở về trước còn nợ đọng rất lớn, chưa thu hồi được nguyên nhân chính là do một số Chủ đầu tư, Tổng thầu tạm dừng hoạt động sản xuất kinh doanh, thay đổi Chủ sở hữu, thay đổi cơ cấu nhân sự. Một số dự án phải dừng triển khai (nhà máy gang thép Thái Nguyên); Công nợ một số cá nhân chưa thu hồi hết;

- Thị trường ngành xây lắp bị sụt giảm, cạnh tranh gay gắt giữa các đơn vị có cùng ngành nghề dẫn đến thị trường của Công ty bị sụt giảm và thu hẹp.

1. Tình hình tài chính

1.1. Tài sản

Tổng tài sản năm 2023 là 181,8 tỷ đồng (bằng 102,8% năm 2022: 179,8 tỷ đồng) trong đó:

+ Nợ phải thu tăng từ 98,2 tỷ đồng (năm 2022) lên 104,2 tỷ đồng (năm 2023) do trong năm công ty đã thi công một số các công trình lớn: Nhiệt điện Vũng Áng, CT Cung Thiểu Nhi...

+ Trả trước cho người bán ngắn hạn từ 4,88 tỷ đồng (năm 2022) lên 6,07 tỷ đồng (năm 2023).

1.2. Nợ phải trả

Tổng nợ phải trả năm 2023 là 317,1 tỷ đồng (bằng 101,6% năm 2022: 312,6 tỷ đồng) trong đó:

+ Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn tăng từ 175,5 tỷ đồng (năm 2022) lên 181,7 tỷ đồng (năm 2023).

+ Chi phí phải trả ngắn hạn tăng từ 20,9 tỷ đồng (năm 2022) lên 27,03 tỷ đồng (năm 2023)

2. Những cải tiến về cơ cấu, tổ chức, chính sách, quản lý

Phương án thực hiện tái cơ cấu mô hình tổ chức Công ty mẹ: Thực hiện tinh giảm biên chế và sáp nhập các phòng ban nhằm quản lý đồng bộ đã đem lại hiệu quả hơn.

3. Kế hoạch phát triển trong năm 2024 và trong tương lai:

3.1. Định hướng chiến lược năm 2024:

- Đẩy nhanh việc tăng vốn thông qua phương án phát hành cổ phiếu hoán đổi nợ để doanh nghiệp sớm thoát khỏi tình trạng âm Vốn chủ sở hữu.

- Làm việc với các tổ chức tín dụng, ngân hàng để tăng Hạn mức tín dụng, tăng hạn mức cho vay Vốn lưu động để khắc phục tình trạng thiếu vốn cho sản xuất kinh doanh.

- Tiếp tục duy trì sản lượng gia công chế tạo thiết bị phi tiêu chuẩn và xây dựng lắp đặt các công trình công nghiệp trên thị trường nội địa, đặc biệt chú trọng xây dựng uy tín, tạo dựng vị trí vững chắc trên thị trường.

- Điều tiết, tổ chức sản xuất khoa học, bố trí lao động tại các vị trí Công trường, nhà máy hợp lý, hiệu quả nhằm duy trì đủ việc làm, chế độ đảm bảo cho người lao động

- Tiếp tục nghiên cứu, phát triển các sản phẩm mang đặc thù riêng của LILAMA 3 và các sản phẩm cơ khí có công nghệ và giá trị gia tăng cao.

- Hợp tác với các đơn vị có khả năng tài chính để cùng hợp tác tham gia thi công các dự án trọng điểm Quốc gia về Nhiệt điện, thủy điện và các công trình phụ trợ...

4.2. Kế hoạch SXKD năm 2024:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2023	Kế hoạch 2024	Tốc độ tăng trưởng(%)
1	Giá trị sản xuất kinh doanh	Tỷ VNĐ	95,162	113,349	119%
2	Doanh thu chưa thuế	Tỷ VNĐ	90,122	100,336	111%
3	Nộp ngân sách	Tỷ VNĐ	3,284	5,850	178%
4	Quỹ lương	Tỷ VNĐ	12,344	15,100	122%
5	LĐ SD bình quân	Người	96	110	115%
6	Thu nhập bình quân người/tháng	Tr.VNĐ	10,715	11,439	107%
7	Đầu tư	Tỷ VNĐ	-	0	
8	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ VNĐ	0,590	0,608	103%
9	Dự kiến chia cổ tức	%	-	-	

4.3. Giải pháp thực hiện nhiệm vụ kế hoạch năm 2024

Trong năm 2024, Ban điều hành sẽ tập trung thực hiện các giải pháp sau:

Về Tài chính:

- Tiếp tục thực hiện việc tái cơ cấu tài chính thông qua hoán đổi nợ thành cổ phiếu tương ứng để cho doanh nghiệp sớm thoát khỏi tình trạng Âm vốn chủ sở hữu.

- Làm việc với các tổ chức tín dụng, ngân hàng để tăng hạn mức tín dụng, tăng hạn mức cho vay Vốn lưu động để đảm bảo nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Đẩy mạnh công tác hoàn thiện hồ sơ quyết toán, thanh toán các công trình đã và đang thi công nhằm thu hồi vốn thanh toán nợ thuế.

- Bố trí kịp thời nguồn vốn phục vụ công tác thi công các công trình. Ưu tiên thanh toán lương cho người lao động, nợ đọng thuế. Về nợ đọng bảo hiểm xã hội: Thanh toán toàn bộ số BHXH, BHYT phát sinh trong năm và ưu tiên 1 phần nguồn để thanh toán trả nợ cũ.

- Nâng cao hiệu quả của công tác thu hồi vốn bằng việc phân công cụ thể rõ ràng cho từng cán bộ công nhân viên, giám sát chặt chẽ, đôn đốc xử lý kịp thời các vướng mắc trong quá trình thực hiện, thường xuyên theo dõi và đánh giá hiệu quả quản lý khoản nợ phải thu. Đa dạng các hình thức thu nợ, sử dụng dịch vụ thu hồi nợ của các công ty.

Về công tác quản trị sản xuất:

- Tiếp tục củng cố, ổn định công tác quản lý sản xuất từ văn phòng Công ty xuống đến các Xí nghiệp, nhà máy.

- Củng cố công tác giám sát, quản lý thi công tại các công trình tiến tới đảm bảo tiến độ, chất lượng sản phẩm. Kịp thời lập và hoàn thiện hồ sơ nghiệm thu, thanh quyết toán với chủ đầu tư, quyết toán với công ty trong các hợp đồng giao khoán, thầu phụ.

- Xác định tổng chi phí đầu vào của từng dự án trên cơ sở dự toán thi công trước khi thi công. Giao khoán và ký các HĐ giao khoán với các đơn vị thi công và các nhà thầu phụ kịp thời. Thanh, quyết toán kịp thời các hợp đồng giao khoán.

- Ưu tiên dành nguồn tài chính để chi trả hoặc tạm ứng tiền lương hàng tháng đều đặn. Giải quyết chính sách tiền lương, chế độ cho người lao động, cải tiến chính sách chế độ tiền lương theo hướng linh hoạt hơn để đảm bảo sự công bằng, hợp lý và phù hợp với trình độ năng lực của từng người.

- Tổ chức đào tạo tại chỗ nhằm nâng cao trình độ tay nghề, chuyên môn của người lao động nhằm đáp ứng được yêu cầu công việc, có hình thức trả lương xứng đáng cho những lao động có tay nghề cao, gắn bó lâu dài với Công ty.

- Cung cấp vật tư kịp thời đáp ứng tiến độ của dự án ...để tránh lãng công đồng thời cân đối giá thành theo hướng tiết kiệm chi phí để bù đắp tăng quỹ lương và hỗ trợ bổ sung các nguồn lực khác nhằm tăng thu nhập cho người lao động...

- Tiếp tục xây dựng và kiện toàn bộ máy tổ chức trong toàn Công ty đảm bảo tinh gọn, hoạt động hiệu quả.

Về công tác tìm kiếm mở rộng thị trường:

- Duy trì củng cố quan hệ hợp tác với các đối tác truyền thống, tìm kiếm mở rộng thị trường trong đó tập trung về các lĩnh vực có thế mạnh của Công ty như:

+ Lắp đặt thiết bị, dây chuyền công nghệ, gia công chế tạo bồn bình, bể, ống khói, ống nước đường kính lớn.

+ Gia công, chế tạo và lắp đặt kết cấu thép các công trình dân dụng và công nghiệp.

+ Bảo dưỡng, sửa chữa các nhà máy: Nhà máy điện, nhà máy giấy, nhà máy bia.v.v

+ Nghiên cứu, gia công sản xuất sản phẩm cơ khí có trọng tâm, trọng điểm.

- Đẩy nhanh tiến trình tái cơ cấu tài chính, lành mạnh tình hình tài chính của Công ty, qua đó nâng cao năng lực cạnh tranh, công ty có thể tham gia đấu thầu mở rộng, tìm kiếm thị trường, nâng cao tỷ suất lợi nhuận, thuận lợi trong việc tiếp cận và huy động vốn phục vụ sản xuất kinh doanh.

Về tổ chức và lao động:

- Ưu tiên việc thanh toán lương và các chế độ cho người lao động, ưu tiên thanh toán số phát sinh bảo hiểm năm 2024, thanh toán đối với các trường hợp nghỉ chế độ.

- Tiếp tục củng cố, kiện toàn bộ máy tổ chức trong toàn Công ty.

- Tuyển dụng, đào tạo lực lượng lao động đáp ứng đủ nhu cầu nhân lực trong năm 2024.

Về việc đầu tư vào các công ty thành viên:

- Công ty cổ phần LILAMA 3.4: Hiện nay không có khả năng phục hồi, tuy nhiên do còn vướng mắc trong việc quyết toán dự án nhà máy chế tạo cơ khí và đóng tàu Bạch Hạc do vậy kiến nghị: Sau khi hoàn thành quyết toán dự án nhà máy chế tạo cơ khí và đóng tàu Bạch Hạc, đối chiếu xác nhận công nợ, tiến hành thủ tục giải thể doanh nghiệp.

- Công ty cổ phần xây dựng số 8 Thăng Long: Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lilama 3 đã giao nhiệm vụ cho Người đại diện phần vốn của Lilama 3 tại Công ty cổ phần xây dựng số 8 Thăng Long chỉ đạo Ban điều hành CTCP XD số 8 Thăng Long thực hiện công tác Kiểm toán báo cáo tài chính từ các năm 2010 đến nay để rà soát và đánh giá lại các đối tượng công nợ phải thu, phải trả và tồn đọng, trên cơ sở số liệu kiểm toán, lập phương án Cơ cấu tài chính, phương án thu hồi, thanh toán các khoản công nợ còn tồn đọng, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024. Trên cơ sở các số liệu báo cáo, LILAMA 3 xem xét hỗ trợ CTCP XD số 8 Thăng Long trong công tác tìm kiếm việc làm, giao khoán lại một phần công việc của LILAMA 3 phù hợp với năng lực, chuyên môn của Đơn vị để từng bước tháo gỡ khó khăn, khôi phục lại sản xuất kinh doanh.

Về việc quản lý khai thác tài sản hiện có:

- Tiếp tục rà soát toàn bộ năng lực thiết bị thi công, tài sản của công ty, vật tư hàng hóa đang tồn đọng, thống nhất biện pháp quản lý và khai thác có hiệu quả. Thanh lý các tài sản khai thác không hiệu quả. Tìm kiếm khách hàng cho thuê xe, cầu, giàn giáo hiện có của Công ty.

- Đối với Nhà máy chế tạo cơ khí Bến Gót: Làm việc với các cơ quan có liên quan hoàn thiện hồ sơ gia hạn thời gian sử dụng đất và lên phương án khai thác hiệu quả tài sản này.

5. Giải trình ý kiến ngoại trừ của Kiểm toán trên Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính Hợp nhất

- Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán

- Căn cứ Báo cáo tài chính tổng hợp số 200/2024/BCKTTH-PB.00407 cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty Cổ phần LILAMA3 do Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam-Chi nhánh phía Bắc phát hành ngày 29 tháng 03 năm 2024 và Báo cáo tài chính hợp nhất số 200/2024/BCKTHN-PB.00407 cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty Cổ phần LILAMA3 do Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam-Chi nhánh phía Bắc phát hành ngày 01 tháng 04 năm 2024

Liên quan tới Báo cáo tài chính năm 2023 được Kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam-Chi nhánh Phía Bắc trong đó ý kiến Kiểm toán không chấp nhận toàn phần đối với báo cáo. Để làm rõ nội dung này, Công ty cổ phần LILAMA3 xin giải trình như sau:

+ Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 đính kèm không bao gồm Hợp nhất báo cáo tài chính công ty con là Công ty cổ phần xây dựng số 8 Thăng Long do: cuối năm 2018 và đầu năm 2019 đơn vị mua lại 36% cổ phần của Công ty xây dựng số 8 Thăng Long từ Tổng Công ty Thăng Long và mua lại 36% cổ phần từ Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC). Hiện đơn vị là Công ty mẹ của

Công ty xây dựng số 8 Thăng Long với tỷ lệ 72% vốn cổ phần. Theo quy định đơn vị phải thực hiện hợp nhất bao gồm cả báo cáo tài chính của Công ty cổ phần xây dựng số 8 Thăng Long tuy nhiên do Công ty này đã dừng hoạt động từ vài năm nay, chưa giải quyết được các tồn đọng cũ, các số liệu về báo cáo tài chính từ năm 2015;2016;2017;2018 của Công ty này cung cấp đều chưa được Kiểm toán. Do mới tiếp nhận lại và đang thực hiện nắm bắt lại tình hình thực tế tại Công ty này nên đơn vị chưa công nhận số liệu đã được cung cấp. Đơn vị đã lên kế hoạch mời đơn vị Kiểm toán vào rà soát kiểm tra lại các số liệu sổ sách, khi số liệu được Kiểm toán đơn vị sẽ thực hiện Hợp nhất báo cáo tài chính theo quy định.

+ Báo cáo tài chính năm 2017; 2018; 2019; 2020; 2021; 2022 và năm 2023 của Công ty cổ phần LILAMA3.4 chưa được kiểm toán là do Công ty này đã dừng hoạt động từ năm 2017, các cán bộ công nhân viên của công ty đã chuyển công tác, hiện tại Công ty đang tập trung giải quyết các vấn đề còn tồn đọng.

+ Công ty đang trích lập thiếu dự phòng nợ phải thu khó đòi với số tiền 4.110.000.000 đồng do sau khi mua lại khoản nợ phải thu của Công ty Cổ phần xây dựng số 8 Thăng Long từ Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC) và mua lại 72% cổ phần của Công ty CP xây dựng số 8 Thăng Long. Đơn vị có phát sinh Hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty XD số 8 Thăng Long trong việc sử dụng, khai thác Văn phòng và nhà kho tại địa chỉ số 86 Tân Xuân- Phường Xuân Đình- Q.Bắc Từ Liêm- TP Hà Nội. Sau khi hoàn thành biên bản đối chiếu, xác nhận khối lượng hoàn thành, công nợ, Đơn vị sẽ cản trừ một phần công nợ của hợp đồng hợp tác đầu tư để giảm nợ phải thu của Công ty XD số 8 Thăng Long nên đơn vị chưa thực hiện trích lập dự phòng

+ Tính đến thời điểm phát hành báo cáo này, đơn vị Kiểm toán chưa nhận được thư xác nhận của một số khoản công nợ phải thu khách hàng, công nợ phải trả ngắn hạn tại ngày 31/12/2023 là do một số khách hàng đã tạm dừng hoạt động, thay đổi trụ sở làm việc, thay đổi pháp nhân dẫn đến đơn vị chưa có cơ sở xác nhận đối chiếu. Đối với công nợ tạm ứng chưa có đối chiếu là do đây là khoản công nợ cũ từ nhiều năm trở về trước công ty đã tạm ứng cho các đơn vị thi công các công trình, tuy nhiên các Đội trưởng của các đơn vị này hiện đã nghỉ việc từ lâu nên không thể ký được đối chiếu, Công ty cũng đã trích lập dự phòng những khoản công nợ này.

+ Khoản Lỗ lũy kế của Công ty vượt quá Vốn chủ sở hữu, khoản nợ phải trả ngắn hạn của Công ty vượt so với tài sản ngắn hạn là do khoản nợ phải trả Ông Doãn Thanh Tuấn số tiền 144.757.200.000,đồng. Trong năm 2022, Công ty đã có thỏa thuận với Ông Doãn Thanh Tuấn về việc hoán đổi nợ thành cổ phiếu tương ứng đồng thời Ông Doãn Thanh Tuấn cam kết sẽ hỗ trợ doanh nghiệp trong việc tìm kiếm việc làm, tái cấu trúc tài chính cho doanh nghiệp thông qua phê duyệt các biện pháp cơ cấu tài chính để doanh nghiệp thoát khỏi tình trạng âm Vốn chủ sở hữu.

Vậy Công ty cổ phần LILAMA 3 xin giải trình cho Quý Cơ quan và Quý nhà đầu tư được biết.

IV. Báo cáo của Hội đồng quản trị

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

- Trong năm 2023, các thành viên HĐQT đã tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT và cho ý kiến bằng văn bản đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT với tinh thần trách nhiệm cao phát huy năng lực lãnh đạo của các thành viên HĐQT, vì lợi ích của các cổ đông và sự phát triển của Công ty. Kết quả sản lượng năm 2023 đạt 95,162 tỷ đồng, đạt 76,84% so với kế hoạch năm 2023.

- Bên cạnh việc thực hiện và hoàn thành các trách nhiệm chung đối với các hoạt động của HĐQT, các thành viên HĐQT đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao. Các thành viên HĐQT đã có những đóng góp tích cực trong việc chỉ đạo, quản lý và giám sát Ban điều hành thực hiện các Nghị quyết của HĐQT, giao nhiệm vụ để Ban kiểm soát phát huy chức năng tư vấn cho HĐQT đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền.

2. Cơ cấu và hoạt động của HĐQT năm 2023:

2.1. Cơ cấu HĐQT:

Các thành viên HĐQT từ ngày 01/01/2023 đến 31/12/2023 gồm:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ hiện tại	Số cổ phần năm giữ	Tỷ lệ sở hữu	Ghi chú
1	Nguyễn Tiến Thành	Chủ tịch HĐQT	77.601	1,506%	Bổ nhiệm ngày 31/3/2022
2	Đình Tiến Thành	Thành viên HĐQT/ Tổng giám đốc	20.674	0,401%	
3	Nguyễn Hải Phong	Thành viên HĐQT	5.000	0,09%	Bổ nhiệm ngày 31/3/2022
4	Doãn Thanh Tuấn	Thành viên HĐQT	2.565.600	49,82%	Bổ nhiệm ngày 31/3/2022
5	Nguyễn Đức Thịnh	Thành viên HĐQT	0	0%	Bổ nhiệm ngày 31/3/2022

Hội đồng quản trị gồm 05 thành viên, trong đó:

- 02/05 thành viên HĐQT là thành viên HĐQT điều hành, giữ chức vụ Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc

- 03/05 thành viên HĐQT là thành viên HĐQT không điều hành.

2.2. Hoạt động của HĐQT trong năm 2023:

Hoạt động của HĐQT từ ngày 01/01/2023 đến 31/12/2023 gồm:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Nguyễn Tiến Thành	Chủ tịch	9	100%	
2	Ông Đinh Tiến Thành	Thành viên	9	100%	
3	Ông Nguyễn Hải Phong	Thành viên	9	100%	
4	Ông Doãn Thanh Tuấn	Thành viên	9	100%	
5	Ông Nguyễn Đức Thịnh	Thành viên	9	100%	

- Tổng các cuộc họp của HĐQT trong năm 2023: 9

- Tổng số các nghị quyết/quyết định ban hành: 8

Trong năm 2023, HĐQT đã tập trung vào một số công tác sau:

- Thống nhất việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.
- Ban hành Phụ lục II quy chế tiền lương khối Văn phòng Công ty.
- Thống nhất tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty cổ phần Lilama 3 qua hình thức trực tuyến.
- Thông qua việc sửa đổi Điều lệ công ty.
- Thông qua về phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ để hoán đổi nợ.
- Thông qua việc chuyển nhượng 2% vốn điều lệ thuộc sở hữu của Công ty tại Công ty TNHH Lilama3 – Dai Nippon Toryo.
- Thông qua việc gia hạn hợp đồng tín dụng tại ngân hàng BIDV - Ba Đình.
- Các nghị quyết được HĐQT thống nhất đưa ra tại các cuộc họp là những định hướng quan trọng giúp Ban điều hành tổ chức thực hiện sản xuất kinh doanh trong năm 2023.
- Ngoài các cuộc họp HĐQT trên, HĐQT đã thông qua các quyết định theo phương thức lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản để chỉ đạo, giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT đồng thời chỉ đạo, quản lý, giám sát hoạt động của Ban điều hành trong việc thực hiện các Nghị quyết của ĐHCĐ và HĐQT.

3. Đánh giá của HĐQT về các hoạt động của Ban Giám Đốc:

- HĐQT đã bám sát đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước, nghị quyết của ĐHCĐ, HĐQT; Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, các quy chế, quy định nội bộ của Công ty trong quá trình thực thi nhiệm vụ và quyền hạn của mình về giám sát hoạt động của Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý của Công ty nhằm đảm bảo mọi hoạt động của doanh nghiệp tuân thủ đúng quy định của pháp luật, triển khai thực hiện đúng các nghị quyết của ĐHCĐ, HĐQT.

- HĐQT luôn xem xét một cách khách quan, dân chủ, cẩn trọng và kỹ lưỡng trước khi quyết định phê duyệt đề xuất của Tổng giám đốc nhằm mang lại lợi ích tối đa và hạn chế rủi ro ở mức thấp nhất cho doanh nghiệp.

- HĐQT luôn phối hợp chặt chẽ với Tổng giám đốc thực hiện những giải pháp hợp lý nhằm kích thích những yếu tố tích cực, khắc phục kịp thời các mặt hạn chế; công khai minh bạch mọi hoạt

động, tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan quản lý, cổ đông và người lao động có thể thực hiện tốt được chức năng giám sát, kiểm tra, kiểm soát tình hình hoạt động của doanh nghiệp.

- Các nội dung giám sát và chỉ đạo thực hiện, cụ thể:

+ Công tác chuẩn bị và tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 của Công ty và các công ty thành viên;

+ Công bố thông tin theo quy định và pháp luật hiện hành;

+ Việc kiến tạo, ký kết, thực hiện các hợp đồng kinh tế;

+ Công tác xử lý tài sản, thu hồi công nợ;

+ Công tác quyết toán các dự án đầu tư;

+ Đánh giá, phân tích tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty theo từng quý, đề ra các biện pháp chỉ đạo kịp thời Tổng giám đốc thực hiện có hiệu quả cao nhất.

4. Các kế hoạch, định hướng của HĐQT

- Các chỉ tiêu về kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 như đã trình bày tại báo cáo của Ban điều hành:

- Định hướng của Công ty cổ phần LILAMA 3 là tiếp tục phát triển thế mạnh sẵn có của công ty, phát triển năng lực về chế tạo, xây lắp và bảo dưỡng. Với ý nghĩa quan trọng đó, HĐQT xác định các chỉ tiêu cho năm 2024 cụ thể là:

- Các chỉ tiêu Ban điều hành xây dựng và trình ĐHĐCĐ là các chỉ tiêu hợp lý. Tuy nhiên, HĐQT cũng yêu cầu Ban điều hành vẫn cần khai thác tối đa cơ hội thị trường, cơ hội kinh doanh, đồng thời tiếp tục củng cố, nâng cao năng lực tài chính và nguồn lực con người, chuẩn bị các điều kiện tốt nhất để thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm sau:

- Đẩy mạnh công tác hoàn thiện hồ sơ thanh toán, quyết toán các công trình đã và đang thi công nhằm thu hồi vốn kịp thời phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Nâng cao hiệu quả của Công tác thu hồi vốn bằng việc phân công cụ thể rõ ràng cho từng cán bộ công nhân viên, giám sát chặt chẽ, đôn đốc xử lý kịp thời các vướng mắc trong quá trình thực hiện, thường xuyên theo dõi và đánh giá hiệu quả quản lý khoản nợ phải thu. Đa dạng các hình thức thu nợ, sử dụng dịch vụ thu hồi nợ của các công ty.

- Bố trí kịp thời nguồn vốn phục vụ công tác thi công các công trình. Ưu tiên thanh toán lương cho người lao động, nợ đọng thuế. Về nợ đọng bảo hiểm xã hội: Thanh toán toàn bộ số BHXH, BHYT phát sinh trong năm và ưu tiên 1 phần nguồn để thanh toán trả nợ cũ.

- Tập trung đẩy mạnh công tác tái cơ cấu tài chính tại Công ty, giảm Lỗ tài chính lũy kế đã kéo dài trong nhiều năm qua, tăng hạn mức tín dụng tại ngân hàng để khắc phục tình trạng thiếu vốn cho sản xuất.

- Tăng cường hơn nữa cho công tác tiếp thị các dự án để tạo thêm việc làm cho người lao động;

- Ban điều hành phải tăng cường hơn nữa công tác điều hành, quản lý hiện trường để kiểm soát tốt hơn chất lượng thi công;

Trong năm 2024, HĐQT sẽ tiếp tục duy trì chế độ họp định kỳ theo quy định và tổ chức các phiên họp dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản của các thành viên HĐQT để triển khai các nghị

quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2024, thực hiện công tác quản trị công ty và chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm năm 2024.

V. Báo cáo tình hình Quản trị Công ty

Công ty tuân thủ quy chế quản trị Công ty theo quy định của UBCKNN, tham khảo các mô hình tổ chức và mô thức quản trị tiên tiến trong ngành để xây dựng, phát triển quy chế quản trị nội bộ công ty, đảm bảo tính minh bạch và tạo điều kiện thuận lợi để cổ đông và các nhà đầu tư cũng như các cơ quan quản lý có thể thực hiện được tốt chức năng giám sát, thanh tra, kiểm soát.

HĐQT công ty đã thực hiện đầy đủ các Báo cáo tình hình quản trị và giám sát việc thực hiện công bố thông tin gửi Ủy ban chứng khoán nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội đồng thời đăng tải công khai tại website của Công ty, qua đó nâng cao tính minh bạch trong hoạt động quản trị đồng thời để các cổ đông kịp thời nắm rõ được tình hình hoạt động của Công ty.

VI. Cơ cấu và kế hoạch hoạt động kiểm soát của Ban kiểm soát

1. Cơ cấu Ban kiểm soát

Stt	Thành viên BKS	Chức vụ	Ghi chú
1	Ông Tạ Như Điền	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 05/05/2023
2	Bà Hà Thị Thanh Huyền	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 05/05/2023
3	Ông Hoàng Trọng Kim	Kiểm soát viên	
4	Ông Đặng Anh Tuấn	Kiểm soát viên	Bổ nhiệm ngày 05/05/2023

2. Hoạt động của BKS

Nhiệm vụ chung:

Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ thay mặt cổ đông để kiểm soát hoạt động mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty. Trong năm 2024, Ban kiểm soát sẽ tiến hành kiểm soát định kỳ, thời gian thực hiện cụ thể sẽ được thông báo tới Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các phòng ban chức năng chuẩn bị hồ sơ tài liệu trước ít nhất 1 tuần.

Nhiệm vụ cụ thể:

a. Quý I năm 2024:

- Xem xét các Báo cáo tài chính năm 2023;
- Xem xét tính hợp lý các văn bản quản lý nội bộ của Công ty đã ban hành ;
- Báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên.

b. Quý II năm 2024:

- Tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh quý I năm 2024;
- Tình hình thực hiện các dự án đầu tư xây dựng cơ bản;
- Các vấn đề khác.

c. Quý III năm 2024:

- Tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh quý II năm 2024;
- Xem xét Báo cáo tài chính 6 tháng;
- Các vấn đề khác.

d. Quý IV năm 2024

- Tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh quý III năm 2024 và ước thực hiện cả năm 2024;
- Tình hình xử lý các vấn đề tồn tại;
- Các vấn đề khác.

VII. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:

1. Thù lao HĐQT, BKS

Thù lao HĐQT, BKS, Thụ ký năm 2023 cụ thể như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lương, thù lao HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng			
Nguyễn Tiến Thành	Chủ tịch HĐQT	286.321.325	267.938.649
Đình Tiến Thành	Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc	294.173.143	265.551.742
Nguyễn Hải Phong	Thành viên HĐQT - Phó TGĐ	251.527.769	132.523.504
Doãn Thanh Tuấn	Thành viên HĐQT	250.240.364	-
Nguyễn Tăng Phụng	Phó TGĐ	245.082.400	211.899.290
Tạ Như Điền	Trưởng ban Kiểm soát	192.487.910	183.089.430
Hoàng Trọng Kim	Kiểm soát viên	362.900.873	250.198.467
Đặng Anh Tuấn	Kiểm soát viên	103.794.156	-
Nguyễn Đức Thịnh	Thành viên HĐQT - Kế toán trưởng	276.844.855	235.835.567

2. *Giao dịch cổ phiếu với cổ đông nội bộ*: Không

3. *Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ*: Không

VIII. Báo cáo tài chính

A. Báo cáo tài chính riêng Kiểm toán 2023

Số: 200/2024/BCKT-PB.00407

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần LILAMA 3

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 kèm theo của Công ty Cổ phần LILAMA 3 (sau đây gọi là "Công ty"), được lập ngày 29 tháng 03 năm 2024, từ trang 06 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Công ty trích lập thiếu dự phòng nợ phải thu khó đòi đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 4.110.000.000 đồng. Điều này dẫn đến chỉ tiêu "Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi" (mã số 137) và chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" (mã số 421) trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp phản ánh thừa số tiền 4.110.000.000 VND. Đồng thời chỉ tiêu "Chi phí quản lý doanh nghiệp" (mã số 26) và chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp" (mã số 60) trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 phản ánh thiếu số tiền nêu trên.

Đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán này, chúng tôi chưa nhận được đầy đủ thư xác nhận của các khoản công nợ phải thu khách hàng, công nợ phải thu ngắn hạn khác (tạm ứng) và các khoản công nợ phải trả người bán ngắn hạn (giá trị cụ thể tại các thuyết minh 5.2, 5.4 và 5.13). Các thủ tục kiểm toán bổ sung cũng không cho phép chúng tôi kiểm tra được tính đúng đắn của số dư

các khoản công nợ phải thu, phải trả nêu trên. Do vậy, chúng tôi không thể xác định được các điều chỉnh cần thiết đối với số dư công nợ phải thu và các khoản công nợ phải trả nêu trên tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng như việc ảnh hưởng của chúng đến các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 khoản lỗ lũy kế ghi nhận trên báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty là 186.737.389.718 VND, vượt quá vốn chủ sở hữu là 135.237.389.718 VND. Bên cạnh đó, các khoản nợ phải trả ngắn hạn vượt so với tài sản ngắn hạn với giá trị là 137.628.323.094 VND. Các dấu hiệu trên cho thấy khả năng hoạt động liên tục của Công ty tùy thuộc vào việc góp bổ sung vốn điều lệ của các Cổ đông, việc giãn yêu cầu thanh toán của các chủ nợ cũng như các phương án tái cơ cấu tài chính khác để duy trì hoạt động.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tổng hợp của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

VŨ GIANG NAM

Phó Giám đốc

Giấy CN ĐKHN kiểm toán

Số: 5246 - 2021 - 009 - 1

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM –
CHI NHÁNH PHÍA BẮC**

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

NGUYỄN VĂN VINH

Kiểm toán viên

Giấy CN ĐKHN kiểm toán

Số: 5023 - 2020 - 009 - 1

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 01 - DN

TÀI SẢN	Mã số	TM	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
A/ TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		179.501.407.943	173.564.296.442
I/ Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	157.566.386	298.326.215
1. Tiền	111		157.566.386	298.326.215
II/ Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III/ Các khoản phải thu ngắn hạn	130		157.816.400.788	151.773.181.305
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	104.214.093.634	98.289.790.445
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	6.070.602.672	4.888.143.535
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	26.084.524.252	27.201.006.523
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(50.501.714.651)	(50.554.654.079)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	5.5	71.948.894.881	71.948.894.881
IV/ Hàng tồn kho	140	5.7	21.243.378.126	21.208.726.279
1. Hàng tồn kho	141		21.243.378.126	21.208.726.279
V/ Tài sản ngắn hạn khác	150		284.062.643	284.062.643
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		284.062.643	284.062.643
B/ TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.390.933.376	3.252.108.775
I/ Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II/ Tài sản cố định	220		766.094.520	964.196.800
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	766.094.520	964.196.800
- Nguyên giá	222		19.830.183.967	19.830.183.967
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(19.064.089.447)	(18.865.987.167)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	-	-
- Nguyên giá	228		41.620.000	41.620.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(41.620.000)	(41.620.000)
III/ Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV/ Tài sản dở dang dài hạn	240	5.10	1.275.187.028	1.263.650.205
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.275.187.028	1.263.650.205
V/ Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.11	165.602.506	166.956.022
1. Đầu tư vào công ty con	251		7.270.000.000	13.084.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		5.586.000.000	-
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(12.690.397.494)	(12.917.043.978)
VII/ Tài sản dài hạn khác	260		184.049.322	857.305.748
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.12	184.049.322	857.305.748
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		181.892.341.319	176.816.405.217

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 01 - DN

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
C/ NỢ PHẢI TRẢ	300		317.129.731.037	312.644.346.791
I/ Nợ ngắn hạn	310		317.129.731.037	312.644.346.791
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	36.549.803.784	43.744.776.417
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.15	6.782.684.783	6.151.776.580
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	7.539.659.649	5.985.395.322
4. Phải trả người lao động	314		2.507.539.200	3.125.156.662
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.16	27.031.006.958	20.933.774.685
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.17	54.909.074.699	57.152.720.226
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.18	181.789.702.229	175.530.487.164
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		20.259.735	20.259.735
II/ Nợ dài hạn	330		-	-
D/ VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(135.237.389.718)	(135.827.941.574)
I/ Vốn chủ sở hữu	410	5.19	(135.237.389.718)	(135.827.941.574)
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		51.500.000.000	51.500.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		51.500.000.000	51.500.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(186.737.389.718)	(187.327.941.574)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(187.327.941.574)	(227.723.094.715)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		590.551.856	40.395.153.141
III/ Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		181.892.341.319	176.816.405.217

Đinh Tiến Thành
 Tổng Giám đốc
 Hà Nội, Việt Nam
 Ngày 29 tháng 3 năm 2024

Nguyễn Đức Thịnh
 Kế toán trưởng

Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 02 - DN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	90.122.597.829	62.933.659.684
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		90.122.597.829	62.933.659.684
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	76.795.790.027	55.238.758.871
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		13.326.807.802	7.694.900.813
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	1.086.487	507.033
7. Chi phí tài chính	22	6.4	3.250.482.675	2.768.852.671
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		3.250.482.675	2.768.852.671
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	7.686.932.437	9.760.118.995
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.390.479.177	(4.833.563.820)
11. Thu nhập khác	31	6.6	427.575.458	50.826.964.741
12. Chi phí khác	32	6.7	2.227.502.779	5.598.247.780
13. Lợi nhuận khác	40		(1.799.927.321)	45.228.716.961
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		590.551.856	40.395.153.141
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		590.551.856	40.395.153.141

Đinh Tiên Thành
 Tổng Giám đốc
 Hà Nội, Việt Nam
 Ngày 29 tháng 3 năm 2024

Nguyễn Đức Thịnh
 Kế toán trưởng

Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 03 - DN

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay VND	Năm trước VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	590.551.856	40.395.153.141
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	198.102.280	682.937.073
- Các khoản dự phòng	03	(52.939.428)	2.441.072.055
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.086.487)	(4.938.963.305)
- Chi phí lãi vay	06	3.250.482.675	2.768.852.671
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	3.985.110.896	41.349.051.635
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(5.990.280.055)	(21.915.738.561)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(34.651.847)	607.700.371
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(1.843.587.208)	222.077.110.795
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	673.256.426	1.506.639.527
- Tiền lãi vay đã trả	14	(3.190.372.770)	(4.013.021.292)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(6.400.524.558)	239.611.742.475
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(11.536.823)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	4.207.407.408
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	11.000.000	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.086.487	507.033
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	549.664	4.207.914.441
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	64.547.344.559	39.892.077.141
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(58.288.129.494)	(283.803.097.871)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	6.259.215.065	(243.911.020.730)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(140.759.829)	(91.363.814)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	298.326.215	389.690.029
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	157.566.386	298.326.215

Đinh Tiến Thành
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

Nguyễn Đức Thịnh
Kê toán trưởng

Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Lilama 3 được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước tiền thân là Công ty lắp máy và xây dựng số 3 thuộc Tổng công ty lắp máy Việt Nam theo quyết định số 449/QĐ-BXD ngày 16/03/2006 của Bộ trưởng Bộ xây dựng. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 180300048 ngày 22/06/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 12 số 2600104526 ngày 13/04/2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại số 86 đường Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 51.500.000.000 VND, tổng số Cổ phần là 5.150.000 Cổ phần với mệnh giá là 10.000 VND/Cổ phần.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là hoạt động xây lắp.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Thi công, xây dựng các công trình công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, dân dụng, giao thông, công trình thủy lợi, các công trình quốc phòng, đường điện và trạm biến thế;
- Khảo sát, thiết kế tư vấn xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng; Khảo sát thiết kế hệ thống thông tin liên lạc; tư vấn thiết kế công nghiệp các công trình sản xuất: vật liệu xây dựng, giấy và chế biến lương thực, thực phẩm;
- Thiết kế, đóng mới tàu thuyền, ca nô, xà lan và các phương tiện vận tải thủy đến 1000 tấn, sửa chữa thuyền, ca nô, xà lan và các phương tiện đường thủy;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà, bất động sản;
- Khai thác, sản xuất, kinh doanh vật tư, thiết bị, vật liệu xây dựng;
- Thi công xây dựng: san ủi mặt bằng, thi công nền móng đường bộ;
- Lắp ráp thiết bị, máy móc cho các công trình; cung cấp, lắp đặt và bảo trì thang máy;
- Chế tạo và lắp đặt: thiết bị nâng, dầm cầu trục đến 30 tấn, nồi hơi, ống áp lực và thiết bị chịu áp lực;
- Kinh doanh thương mại tổng hợp, nguyên vật liệu giấy, khí hóa lỏng và các chất đốt các loại; Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị và các dây chuyền công nghệ.

1.4 Cấu trúc của Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, công ty có 2 công ty con, 2 đơn vị trực thuộc và 1 công ty liên kết, cụ thể:

Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty Cổ phần Lilama 3.4 (công ty con)	Số 927 Hùng Vương, Việt Trì, Phú Thọ	59,36%	59,36%
Công ty Cổ phần xây dựng số 8 Thăng Long (công ty con)	Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội	72%	72%
Xí nghiệp Lilama 3.1	Cụm CN Bạch Hạc, Việt Trì, Phú Thọ	Chi nhánh	
Trung tâm tư vấn thiết kế	Lô 24-25 KCN Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội	Chi nhánh	
Công ty TNHH Lilama 3 - Dai Nippon Toryo (công ty liên kết)	Lô 24-25 KCN Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội	49%	49%

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

Công ty đã bán một phần vốn đầu tư tại Công ty TNHH Lilama 3 – Dai Nippon Toryo (DNT) cho cá nhân khác tại ngày 29/12/2023. Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty tại DNT giảm xuống còn 49% và không còn là công ty con từ thời điểm này.

1.5 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.6 Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, không có hoạt động nào có ảnh hưởng đáng kể đến các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần LILAMA 3.

1.7 Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, tổng số nhân viên của Công ty là 82 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 103 người).

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các chính sách kế toán Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.4 Các khoản phải thu và dự phòng nợ phải thu khó đòi

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung hoặc chi phí liên quan khác, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất...) của hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

4.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 03 năm.

Chi phí khác

Chi phí khác là các khoản chi phí thuê văn phòng. Các khoản chi phí này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tương ứng đối với thời gian thuê.

4.7 Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05
Máy móc thiết bị	05 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 06

4.8 Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4.9 Các khoản đầu tư vào công ty con, góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết

Đầu tư vào Công ty con:

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

Một khoản đầu tư được coi là nắm quyền kiểm soát của đơn vị được đầu tư khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền sở hữu của đơn vị đó trừ đi quyền sở hữu đó không gắn liền quyền kiểm soát. Nếu Công ty không nắm giữ trên 50% quyền sở hữu của đơn vị khác thì Công ty vẫn có thể có được quyền kiểm soát đơn vị nếu Công ty có:

- Quyền lớn hơn 50% quyền biểu quyết của đơn vị nhờ một thoả thuận với các nhà đầu tư khác;
- Quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị theo một quy chế hoặc thoả thuận;
- Quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm đa số thành viên của Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên hoặc bộ phận quản lý tương đương tại Công ty con.

4.10 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Chi phí phải trả gồm các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4.11 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch tăng do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá và chênh lệch tăng, giảm so với giá mua lại khi bán cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế lũy kế còn lại của Công ty sau khi đã thực hiện phân phối lợi nhuận tại thời điểm báo cáo.

4.12 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đỉnh, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và có thông báo chi trả cổ tức.

4.13 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn 02 điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

4.14 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

4.15 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và dịch vụ đã cung cấp là tổng chi phí phát sinh của hàng hoá, dịch vụ. Các khoản chi phí phát sinh trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đỉnh, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

4.16 Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Các loại thuế khác được áp dụng theo các Luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4.17 Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác và các công cụ tài chính phái sinh.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

4.18 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	52.121.063	182.274.264
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	105.445.323	116.051.951
Cộng	157.566.386	298.326.215

5.2 Phải thu của khách hàng ngắn hạn

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu các bên liên quan	24.000.065.063	-	24.000.065.063	-
Công ty Cổ phần Xây dựng số 8 Thăng Long	24.000.065.063	-	24.000.065.063	-
Phải thu các khách hàng khác	80.214.028.571	(39.271.666.645)	74.289.725.382	(39.271.666.645)
CRI - Công trình nhiệt điện Vũng Áng 2	4.857.551.105	-	3.619.944.328	-
Tổng Công ty Lắp Máy Việt Nam	8.043.020.677	-	6.974.803.117	-
Công ty Cổ phần Lisemco	7.166.882.001	(7.166.882.001)	7.166.882.001	(7.166.882.001)
Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên (TISCO)	4.206.430.034	(4.206.430.034)	4.206.430.034	(4.206.430.034)
Công ty Cổ phần Giấy Bãi Bằng	5.283.708.000	(5.283.708.000)	5.283.708.000	(5.283.708.000)
BQLDA Nhà máy bột giấy Phương Nam (Tcty giấy VN)	2.663.068.439	(2.663.068.439)	2.663.068.439	(2.663.068.439)
Công ty cổ phần Đầu tư công nghệ Hưng Vượng	7.421.374.793	-	5.497.300	-
Tổng công ty Cổ phần xuất nhập khẩu và xây dựng Việt Nam	5.401.243.017	-	4.650.967.168	-
Khách hàng khác	35.170.750.505	(19.951.578.171)	39.718.424.995	(19.951.578.171)
Cộng	104.214.093.634	(39.271.666.645)	98.289.790.445	(39.271.666.645)

Đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán này, chúng tôi chưa nhận được các thư xác nhận của các khoản công nợ phải thu khách hàng với giá trị khoảng 34 tỷ đồng. Các thủ tục kiểm toán bổ sung cũng không cho phép chúng tôi kiểm tra được tính đúng đắn của số dư các khoản công nợ phải thu, phải trả nêu trên.

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Trả trước bên liên quan	1.417.533.400	-	987.533.400	-
Công ty Cổ phần Xây dựng số 8 Thăng Long	1.417.533.400	-	987.533.400	-
Trả trước các khách hàng khác	4.653.069.272	(2.753.380.421)	3.900.610.135	(2.753.380.421)
Công ty cổ phần Đầu tư công nghệ Hưng Vương	937.634.580	-	-	-
Công ty Cổ phần Ngọc Việt Linh	868.188.137	(868.188.137)	868.188.137	(868.188.137)
Các đối tượng khác	2.847.246.555	(1.885.192.284)	3.032.421.998	(1.885.192.284)
Cộng	6.070.602.672	(2.753.380.421)	4.888.143.535	(2.753.380.421)

5.4 Phải thu khác ngắn hạn

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu đối tượng khác	26.084.524.252	(8.476.667.585)	27.201.006.523	(8.529.607.013)
Tiền tạm ứng cho CBNV	7.487.000.898	-	7.299.544.703	-
Phải thu khác	18.597.523.354	(8.476.667.585)	19.901.461.820	(8.529.607.013)
Cộng	26.084.524.252	(8.476.667.585)	27.201.006.523	(8.529.607.013)

Đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán này, chúng tôi chưa nhận được các thư xác nhận của các khoản công nợ công nợ phải thu ngắn hạn khác (tạm ứng) với giá trị khoảng 6 tỷ đồng. Các thủ tục kiểm toán bổ sung cũng không cho phép chúng tôi kiểm tra được tính đúng đắn của số dư các khoản công nợ phải thu, phải trả nêu trên.

5.5 Tài sản thiếu chờ xử lý

	31/12/2023	01/01/2023
	Giá trị VND	Giá trị VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (i)	71.391.018.932	71.391.018.932
Tài sản khác	557.875.949	557.875.949
Cộng	71.948.894.881	71.948.894.881

(i): Chi phí đầu tư dự án Nhà máy Bạch Hạc chưa đủ điều kiện quyết toán theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

5.6 Nợ xấu

Nợ phải thu ngắn hạn khó đòi	T/g quá hạn	31/12/2023		01/01/2023	
		Giá gốc	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị dự phòng
		VND	VND	VND	VND
Nợ phải thu khách hàng quá hạn		39.271.666.645	(39.271.666.645)	39.271.666.645	(39.271.666.645)
Công ty Cổ phần Lisemco > 3 năm		7.166.882.001	(7.166.882.001)	7.166.882.001	(7.166.882.001)
Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên > 3 năm		4.206.430.034	(4.206.430.034)	4.206.430.034	(4.206.430.034)
Công ty Cổ phần Giấy Bãi Bằng > 3 năm		5.283.708.000	(5.283.708.000)	5.283.708.000	(5.283.708.000)
BQLDA Nhà máy bột giấy > 3 năm Phương Nam (Tcty giấy VN)		2.663.068.439	(2.663.068.439)	2.663.068.439	(2.663.068.439)
Công ty TNHH KC COTTRELL Việt Nam > 3 năm		1.913.994.851	(1.913.994.851)	1.913.994.851	(1.913.994.851)
Đối tượng khác > 3 năm		18.037.583.320	(18.037.583.320)	18.037.583.320	(18.037.583.320)
Các khoản phải thu khác quá hạn		8.476.667.585	(8.476.667.585)	8.529.607.013	(8.529.607.013)
Tạm ứng nhân viên > 3 năm		4.458.010.666	(4.458.010.666)	4.485.628.102	(4.485.628.102)
Đối tượng khác > 3 năm		4.018.656.919	(4.018.656.919)	4.043.978.911	(4.043.978.911)
Trả trước cho người bán quá hạn		2.753.380.421	(2.753.380.421)	2.753.380.421	(2.753.380.421)
Công ty Cổ phần Ngọc Việt Linh > 3 năm		868.188.137	(868.188.137)	868.188.137	(868.188.137)
Đối tượng khác > 3 năm		1.885.192.284	(1.885.192.284)	1.885.192.284	(1.885.192.284)
Cộng		50.501.714.651	(50.501.714.651)	50.554.654.079	(50.554.654.079)

5.7 Hàng tồn kho

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	3.596.256.564	-	2.559.098.067	-
Công cụ, dụng cụ	345.113	-	1.457.528	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dờ dang	17.646.776.449	-	18.648.170.684	-
Cộng	21.243.378.126	-	21.208.726.279	-

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đỉnh, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

5.8 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư tại 01/01/2023	460.600.507	7.958.256.396	11.307.992.065	103.334.999	19.830.183.967
Tăng do phân loại lại		88.345.456			88.345.456
Giảm do phân loại lại		(88.345.456)			(88.345.456)
Số dư tại 31/12/2023	460.600.507	8.046.601.852	11.219.646.609	103.334.999	19.830.183.967
Giá trị hao mòn					
Số dư tại 01/01/2023	460.600.507	7.829.694.983	10.472.356.678	103.334.999	18.865.987.167
Khấu hao trong kỳ		61.822.008	136.280.272		198.102.280
Tăng do phân loại lại		70.649.532			70.649.532
Giảm do phân loại lại		(70.649.532)			(70.649.532)
Số dư tại 31/12/2023	460.600.507	7.962.166.523	10.537.987.418	103.334.999	19.064.089.447
Giá trị còn lại					
Số dư tại 01/01/2023	-	128.561.413	835.635.387	-	964.196.800
Số dư tại 31/12/2023	-	84.435.329	681.659.191	-	766.094.520
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng					
Số dư tại 01/01/2023	460.600.507	7.600.576.639	9.870.593.883	103.334.999	18.035.106.028
Số dư tại 31/12/2023	460.600.507	7.600.576.639	9.870.593.883	103.334.999	18.035.106.028

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

5.9 Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Tổng cộng
	VND	VND
Nguyên giá		
Số dư tại 01/01/2023	41.620.000	41.620.000
Thanh lý, nhượng bán		-
Số dư tại 31/12/2023	<u>41.620.000</u>	<u>41.620.000</u>
Giá trị hao mòn		
Số dư tại 01/01/2023	41.620.000	41.620.000
Thanh lý, nhượng bán		-
Số dư tại 31/12/2023	<u>41.620.000</u>	<u>41.620.000</u>
Giá trị còn lại		
Số dư tại 01/01/2023	-	-
Số dư tại 31/12/2023	<u>-</u>	<u>-</u>
Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng		
Số dư tại 01/01/2023	41.620.000	41.620.000
Số dư tại 31/12/2023	<u>41.620.000</u>	<u>41.620.000</u>

5.10 Tài sản dở dang dài hạn

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1.275.187.028	1.263.650.205
Nâng cấp Sửa chữa NM Bến Gót- Việt Trì	371.403.866	359.867.043
<i>XD Xưởng sản xuất bột giấy Yên lập</i>	577.910.298	577.910.298
<i>Xây dựng hạ tầng khu C1</i>	325.872.864	325.872.864
Cộng	<u>1.275.187.028</u>	<u>1.263.650.205</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đỉnh, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

5.11 Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá hợp lý VND	Giá hợp lý VND
Đầu tư vào công ty con	7.270.000.000	(7.270.000.000)	-	-
Công ty Cổ phần Lilama 3.4	2.990.000.000	(2.990.000.000)	(i)	(i)
Công ty TNHH Lilama 3 - Dai Nippon Toroyo	-	-	(i)	(i)
Công ty Cổ phần xây dựng số 8 Thăng Long	4.280.000.000	(4.280.000.000)	(i)	(i)
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	5.586.000.000	(5.420.397.494)	-	-
Công ty TNHH Lilama 3 - Dai Nippon Toroyo	5.586.000.000	(5.420.397.494)	(i)	-
Cộng	12.856.000.000	(12.690.397.494)	-	13.084.000.000

(i) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

5.12 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	33.331.818	394.450.733
Chi phí sửa chữa	-	8.660.000
Các khoản khác	150.717.504	454.195.015
Cộng	184.049.322	857.305.748

5.13 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Phải trả các bên liên quan	3.552.473.664	3.552.473.664	3.552.473.664	3.552.473.664
Công ty CP LILAMA3.4	1.780.352.518	1.780.352.518	1.780.352.518	1.780.352.518
Công ty TNHH Lilama 3 - Dai Nippon Toryo	1.772.121.146	1.772.121.146	1.772.121.146	1.772.121.146
Phải trả nhà cung cấp khác	32.997.330.120	32.997.330.120	40.192.302.753	40.192.302.753
Công ty Cổ phần Đầu tư công nghệ Hưng Vượng	937.634.580	937.634.580	7.124.514.355	7.124.514.355
Công ty Cổ phần Công trình đường thủy VINAWACO	2.136.323.282	2.136.323.282	2.136.323.282	2.136.323.282
Công ty CP Hồng Mã	1.500.000.000	1.500.000.000	2.048.810.761	2.048.810.761
Các nhà cung cấp khác	28.423.372.258	28.423.372.258	28.882.654.355	28.882.654.355
Cộng	36.549.803.784	36.549.803.784	43.744.776.417	43.744.776.417

Đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán này, chúng tôi chưa nhận được các thư xác nhận của các khoản công nợ phải trả người bán ngắn hạn với giá trị khoảng 31 tỷ đồng. Các thủ tục kiểm toán bổ sung cũng không cho phép chúng tôi kiểm tra được tính đúng đắn của số dư các khoản công nợ phải thu, phải trả nêu trên.

5.14 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	01/01/2023	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2023
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	5.765.976.575	2.819.114.060	1.234.458.513	7.350.632.122
Thuế thu nhập cá nhân	109.530.795	121.794.094	96.233.760	135.091.129
Các loại thuế khác	109.887.952	75.001.338	130.952.892	53.936.398
Cộng	5.985.395.322	3.015.909.492	1.461.645.165	7.539.659.649

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

5.15 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Người mua trả tiền trước khác	6.782.684.783	6.782.684.783	6.151.776.580	6.151.776.580
Trung tâm chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn	2.101.516.200	2.101.516.200	2.101.516.200	2.101.516.200
Tổng Công ty Viễn Thông Quân Đội- Viettel	785.000.000	785.000.000	785.000.000	785.000.000
Khách hàng khác	3.896.168.583	3.896.168.583	3.265.260.380	3.265.260.380
Cộng	6.782.684.783	6.782.684.783	6.151.776.580	6.151.776.580

5.16 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Trích trước chi phí công trình	18.610.781.132	12.463.255.209
Trích trước thuê cơ sở hạ tầng	6.263.649.456	6.155.761.288
Trích trước chi phí khác	2.156.576.370	2.314.758.188
Cộng	27.031.006.958	20.933.774.685

5.17 Các khoản phải trả khác

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả các bên liên	1.594.790.503	1.594.790.503	1.464.758.003	1.464.758.003
Công ty TNHH Lilama 3 - Dai Nippon Toryo - Lãi vay	1.594.790.503	1.594.790.503	1.464.758.003	1.464.758.003
Phải trả các đối tượng khác	53.314.284.196	53.314.284.196	55.687.962.223	55.687.962.223
Kinh phí công đoàn	1.446.788.903	1.446.788.903	1.457.579.341	1.457.579.341
Bảo hiểm xã hội	38.396.133.331	38.396.133.331	37.270.757.478	37.270.757.478
Bảo hiểm y tế	2.872.803.743	2.872.803.743	2.636.973.845	2.636.973.845
Bảo hiểm thất nghiệp	2.892.917.596	2.892.917.596	2.788.070.816	2.788.070.816
Lãi vay phải trả	49.557.334	49.557.334	119.479.929	119.479.929
Phải trả khác	7.656.083.289	7.656.083.289	11.415.100.814	11.415.100.814
Cộng	54.909.074.699	54.909.074.699	57.152.720.226	57.152.720.226

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

5.18 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	31/12/2023		Trong năm		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay các bên liên quan	146.147.200.000	146.147.200.000	-	60.000.000	146.207.200.000	146.207.200.000
Ông Doãn Thanh Tuấn (i)	144.757.200.000	144.757.200.000	-	-	144.757.200.000	144.757.200.000
Công ty TNHH Lilama 3 - Dai Nippon Toryo (ii)	1.390.000.000	1.390.000.000	-	60.000.000	1.450.000.000	1.450.000.000
Vay các đối tượng khác	35.642.502.229	35.642.502.229	64.547.344.559	58.228.129.494	29.323.287.164	29.323.287.164
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - CN Ba Đình (iii)	26.975.502.229	26.975.502.229	38.810.344.559	37.823.129.494	25.988.287.164	25.988.287.164
Vay cá nhân khác(iv)	8.667.000.000	8.667.000.000	25.737.000.000	20.405.000.000	3.335.000.000	3.335.000.000
Cộng	181.789.702.229	181.789.702.229	64.547.344.559	58.288.129.494	175.530.487.164	175.530.487.164

(i): Các khoản nợ vay, nợ phải trả mà Ông Doãn Thanh Tuấn đã mua lại từ Công ty TNHH MTV mua bán nợ Việt Nam (DATC) thông qua đấu giá tại Công ty Cổ phần chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội ngày 19/01/2022 với giá trị là 381.559.015.129 VND, trong đó số tiền gốc là 148.705.200.000 VND, số tiền lãi là 232.853.815.129 VND. Theo biên bản thỏa thuận cơ cấu xử lý khoản nợ ngày 02/12/2022 giữa Công ty và ông Doãn Thanh Tuấn thì ông Tuấn đã đồng ý xoá nợ khoản lãi phải trả với số tiền là 232.853.815.129 VND và đồng ý không tính lãi đối với phần nợ gốc còn lại từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022. Số dư nợ gốc tại ngày 31/12/2022 là 144.757.200.000 VND, dự kiến được cơ cấu lại theo biên bản thỏa thuận thông qua phương án phát hành cổ phiếu để hoán đổi nợ với số lượng cổ phiếu hoán đổi là 13.850.000 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu tương đương số nợ gốc là 138.500.000.000 VND.

(ii): Vay Công ty TNHH Lilama 3 – Dai Nippon Toryo theo hợp đồng vay số 0212/HĐVV ký ngày 01 tháng 08 năm 2012 với thời hạn là 03 tháng và mức lãi suất là 14%/năm. Khoản cho vay ngắn hạn này không có tài sản đảm bảo. Khoản vay đã được gia hạn đến ngày 01 tháng 02 năm 2020 và được điều chỉnh lãi suất xuống còn 9%/năm kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2014.

(iii): Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP BIDV - chi nhánh Ba Đình theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2023/399106/HĐTD ngày 17/02/2023 nhằm bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty. Thời hạn cấp hạn mức đến hết 31/12/2023. Hạn mức cấp tín dụng là 49 tỷ VND. Lãi suất theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể. Tài sản đảm bảo cho các khoản theo Hợp đồng Tài sản đảm bảo với Ngân hàng TMCP BIDV - chi nhánh Ba Đình.

(iv): Vay ngắn hạn của các cá nhân để bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay từ 6-12 tháng, lãi suất theo lãi suất của Ngân hàng BIDV + 3,5% (cộng thêm 3,5%), hình thức đảm bảo: tín chấp.

5.19 Vốn chủ sở hữu (“VCSH”)

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

5.19.1 Bảng biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	LNST chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại 01/01/2022	51.500.000.000	14.250.000.000	7.173.239.116	234.189.233	(482.234.338.193)	(409.076.909.844)
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	40.395.153.141	40.395.153.141
Tăng do được xoá nợ	-	-	-	-	232.853.815.129	232.853.815.129
Bù đắp lỗ lũy kế (i)	-	(14.250.000.000)	(7.173.239.116)	(234.189.233)	21.657.428.349	-
Số dư tại 31/12/2022	51.500.000.000	-	-	-	(187.327.941.574)	(135.827.941.574)
Số dư tại 01/01/2023	51.500.000.000	-	-	-	(187.327.941.574)	(135.827.941.574)
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	590.551.856	590.551.856
Số dư tại 31/12/2023	51.500.000.000	-	-	-	(186.737.389.718)	(135.237.389.718)

- (i) Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 10/NQ-ĐHĐCĐ ngày 07/04/2022 đã thông qua phương án sử dụng nguồn thặng dư vốn cổ phần và các quỹ để bù đắp lỗ lũy kế.

5.19.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Tỷ lệ %	Giá trị VND	Tỷ lệ %
Ông Doãn Thanh Tuấn	25.630.000.000	49,77%	25.630.000.000	49,77%
Các cổ đông khác	25.870.000.000	50,23%	25.870.000.000	50,23%
Cộng	51.500.000.000	100%	51.500.000.000	100%

5.19.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn góp đầu năm	51.500.000.000	51.500.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	51.500.000.000	51.500.000.000

5.19.4 Cổ phiếu

	31/12/2023 Cổ phiếu	01/01/2023 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.150.000	5.150.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.150.000	5.150.000
Cổ phiếu phổ thông	5.150.000	5.150.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.150.000	5.150.000
Cổ phiếu phổ thông	5.150.000	5.150.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu hoạt động xây lắp	90.122.597.829	62.933.659.684
Cộng	90.122.597.829	62.933.659.684

6.2 Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Giá vốn hoạt động xây lắp	76.795.790.027	55.238.758.871
Cộng	<u>76.795.790.027</u>	<u>55.238.758.871</u>

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.086.487	507.033
Cộng	<u>1.086.487</u>	<u>507.033</u>

6.4 Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Chi phí lãi vay	3.250.482.675	2.768.852.671
Cộng	<u>3.250.482.675</u>	<u>2.768.852.671</u>

6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Chi phí nhân viên quản lý	4.334.205.553	3.604.103.271
Chi phí đồ dùng, CCDC quản lý	852.863.443	1.483.983.612
Chi phí khấu hao TSCĐ	129.405.272	129.405.272
Thuế, phí và lệ phí	36.257.293	34.202.460
Chi phí dự phòng	(52.939.428)	2.441.072.055
Chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác	2.387.140.304	2.067.352.325
Cộng	<u>7.686.932.437</u>	<u>9.760.118.995</u>

6.6 Thu nhập khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, CCDC	-	4.938.456.272
Thu nhập từ bán phế liệu	-	13.650.000
Thu nhập từ công nợ phải trả không xác định được chủ nợ đã xóa sổ	-	25.974.314.090
Thu nhập khác kế thừa từ DATC	-	19.890.065.063
Thu nhập khác	427.575.458	10.479.316
Cộng	427.575.458	50.826.964.741

6.7 Chi phí khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá trị còn lại TSCĐ bàn giao cho chủ nợ để xử lý tài sản đảm bảo	-	3.071.280.404
Chi phí phạt vi phạm hành chính	-	2.136.628.272
Chi phí tận thu phế liệu	-	13.893.909
Chi phí khác	2.227.502.779	376.445.195
Cộng	2.227.502.779	5.598.247.780

6.8 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	590.551.856	40.395.153.141
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế TNDN	(37.652.612)	175.152.612
Các khoản điều chỉnh tăng	-	175.152.612
<i>Chi phí không hợp lệ</i>	-	137.500.000
<i>Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối năm</i>	-	37.652.612
Các khoản điều chỉnh giảm	(37.652.612)	-
<i>Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại tỷ giá năm trước</i>	(37.652.612)	-
Các khoản lỗ được kết chuyển	(557.389.550)	(40.570.305.753)
Thu nhập tính thuế TNDN	(4.490.306)	-
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN tính trên TNCT năm hiện hành	-	-

6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 “Lãi trên cổ phiếu”, trường hợp doanh nghiệp phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ trình bày thông tin về lãi cơ bản trên cổ phiếu trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Do đó, Công ty không trình bày về lãi cơ bản trên cổ phiếu trong báo cáo tài chính này.

6.6 Thu nhập khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, CCDC	-	4.938.456.272
Thu nhập từ bán phế liệu	-	13.650.000
Thu nhập từ công nợ phải trả không xác định được chủ nợ đã xóa sổ	-	25.974.314.090
Thu nhập khác kế thừa từ DATC	-	19.890.065.063
Thu nhập khác	427.575.458	10.479.316
Cộng	427.575.458	50.826.964.741

6.7 Chi phí khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá trị còn lại TSCĐ bàn giao cho chủ nợ để xử lý tài sản đảm bảo	-	3.071.280.404
Chi phí phạt vi phạm hành chính	-	2.136.628.272
Chi phí tận thu phế liệu	-	13.893.909
Chi phí khác	2.227.502.779	376.445.195
Cộng	2.227.502.779	5.598.247.780

6.8 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	590.551.856	40.395.153.141
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế TNDN	(37.652.612)	175.152.612
Các khoản điều chỉnh tăng	-	175.152.612
Chi phí không hợp lệ	-	137.500.000
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối năm	-	37.652.612
Các khoản điều chỉnh giảm	(37.652.612)	-
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại tỷ giá năm trước	(37.652.612)	-
Các khoản lỗ được kết chuyển	(557.389.550)	(40.570.305.753)
Thu nhập tính thuế TNDN	(4.490.306)	-
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN tính trên TNCT năm hiện hành	-	-

6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 "Lãi trên cổ phiếu", trường hợp doanh nghiệp phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ trình bày thông tin về lãi cơ bản trên cổ phiếu trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Do đó, Công ty không trình bày về lãi cơ bản trên cổ phiếu trong báo cáo tài chính này.

6.10 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân công	15.960.884.002	35.123.949.272
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	21.758.629.490	9.417.521.803
Chi phí khấu hao tài sản cố định	198.102.280	682.937.073
Chi phí dự phòng	(52.939.428)	2.441.072.055
Chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí khác bằng tiền	45.448.500.654	15.846.798.151
Cộng	83.313.176.998	63.512.278.354

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

7.1 Tiền thu từ đi vay

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	64.547.344.559	39.892.077.141

7.2 Tiền trả nợ gốc vay

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	58.288.129.494	283.803.097.871

8. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản cho vay, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty. Các loại công cụ tài chính của Công ty:

	31/12/2023		Giá trị ghi sổ 01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	157.566.386	-	298.326.215	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	130.298.617.886	(50.501.714.651)	125.490.796.968	(50.554.654.079)
Đầu tư tài chính	12.856.000.000	(12.690.397.494)	13.084.000.000	(12.917.043.978)
	143.312.184.272	(63.192.112.145)	138.873.123.183	(63.471.698.057)

	31/12/2023		Giá trị ghi sổ 01/01/2023	
	VND		VND	
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ			181.789.702.229	175.530.487.164
Phải trả người bán và phải trả khác			91.458.878.483	100.897.496.643
Chi phí phải trả			27.031.006.958	20.933.774.685
			300.279.587.670	297.361.758.492

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

i. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá cổ phần.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu,

hàng hóa. Rủi ro này sẽ được Công ty quản trị bằng việc thực hiện mua hàng từ một số lượng lớn các nhà cung cấp khác nhau, cũng như linh hoạt trong việc đàm phán.

ii. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tài sản tài chính				
Tại ngày 31/12/2023				
Tiền và các khoản tương đương tiền	157.566.386	-	-	157.566.386
Phải thu khách hàng và phải thu khác	79.796.903.235	-	-	79.796.903.235
Đầu tư tài chính	-	-	165.602.506	165.602.506
Cộng	79.954.469.621	-	165.602.506	80.120.072.127
Tại ngày 01/01/2023				
Tiền và các khoản tương đương tiền	298.326.215	-	-	298.326.215
Phải thu khách hàng và phải thu khác	119.684.031.247	-	-	119.684.031.247
Đầu tư tài chính	-	-	166.956.022	166.956.022
Cộng	119.982.357.462	-	166.956.022	120.149.313.484

iii. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Nợ phải trả tài chính				
Tại ngày 31/12/2023				
Vay và nợ	181.789.702.229	-	-	181.789.702.229
Phải trả người bán và phải trả khác	91.458.878.483	-	-	91.458.878.483
Chi phí phải trả	27.031.006.958	-	-	27.031.006.958
Cộng	300.279.587.670	-	-	300.279.587.670
Tại ngày 01/01/2023				
Vay và nợ	175.530.487.164	-	-	175.530.487.164
Phải trả người bán và phải trả khác	100.897.496.643	-	-	100.897.496.643
Chi phí phải trả	20.933.774.685	-	-	20.933.774.685
Cộng	297.361.758.492	-	-	297.361.758.492

Ban Tổng Giám đốc cam kết Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết để thanh toán các khoản nợ đến hạn trả.

9. CÁC THÔNG TIN KHÁC

9.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan tới Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

9.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và kế toán trưởng. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Năm nay	Năm trước
Lương, thù lao HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng			
Nguyễn Tiến Thành	Chủ tịch HĐQT	286.321.325	267.938.649
Đình Tiến Thành	Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc	294.173.143	265.551.742
Nguyễn Hải Phong	Thành viên HĐQT - Phó TGD	251.527.769	132.523.504
Doãn Thanh Tuấn	Thành viên HĐQT	250.240.364	-
Nguyễn Tăng Phương	Phó TGD	245.082.400	211.899.290
Tạ Như Điền	Trưởng ban Kiểm soát	192.487.910	183.089.430
Hoàng Trọng Kim	Kiểm soát viên	362.900.873	250.198.467
Đặng Anh Tuấn	Kiểm soát viên	103.794.156	-
Nguyễn Đức Thịnh	Thành viên HĐQT - Kế toán trưởng	276.844.855	235.835.567

Các giao dịch khác với thành viên quản lý chủ chốt và các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt:

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Số dư với các thành viên quản lý chủ chốt:

Ngoài các thông tin đã được thuyết minh ở các phần nêu trên, tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty không còn có các khoản chưa được thanh toán với các thành viên quản lý chủ chốt.

9.1.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm các công ty con, các công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát, các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình họ, các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Giao dịch với các bên liên quan khác

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	Năm nay	Năm trước
			VND	VND
Công ty TNHH Lilama 3 - Dai Nippon Toryo	Công ty con	Lãi tiền vay phát sinh	130.032.500	132.312.500
Ông Doãn Thanh Tuấn	Cổ đông lớn - Thành viên HĐQT	Giảm nợ vay	-	236.801.815.129
Công ty cổ phần Xây Dựng số 8 Thăng Long	Công ty con	Thu nhập khác	-	19.890.065.063
		Thuê cơ sở hạ tầng	327.272.728	-

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày trong các thuyết minh ở Mục 5

9.2 Thông tin về bộ phận

Công ty không lập báo cáo bộ phận vì không thoả mãn 1 trong 3 điều kiện phải lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hay khu vực địa lý được quy định tại Thông tư số 20/2006TT-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính v/v hướng dẫn thực hiện 06 Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

9.3 Những khoản nợ tiềm tàng

Không phát sinh bất kỳ khoản nợ tiềm tàng nào từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa ghi nhận.

9.4 Số liệu so sánh

Số liệu đầu kỳ trên Bảng cân đối kế toán và số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lấy theo được lấy theo số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh phía Bắc.

9.5 Thông tin về hoạt động liên tục

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 khoản lỗ lũy kế ghi nhận trên báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty là 186.737.389.718 VND, vượt quá vốn chủ sở hữu là 135.237.389.718 VND. Bên cạnh đó, các khoản nợ phải trả ngắn hạn vượt so với tài sản ngắn hạn với giá trị là 137.628.323.094 VND. Các dấu hiệu trên cho thấy khả năng hoạt động liên tục của Công ty tùy thuộc vào việc góp bổ sung vốn điều lệ của các Cổ đông, việc giãn yêu cầu thanh toán của các chủ nợ cũng như các phương án tái cơ cấu tài chính khác để duy trì hoạt động.

9.6 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Đình Tiên Thành
Tổng Giám đốc
Hà Nội, Việt Nam
Ngày 29 tháng 3 năm 2024

Nguyễn Đức Thịnh
Kế toán trưởng

Người lập biểu

04
Q
H
M
W

B. Báo cáo tài chính Hợp nhất năm 2023

Số: 200/2024/BCKTHN-PB.00407

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Lilama 3

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Lilama 3 (sau đây gọi là "Công ty"), được lập ngày 01 tháng 04 năm 2024, từ trang 7 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

- Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 đính kèm không bao gồm hợp nhất Báo cáo tài chính của Công ty con là Công ty cổ phần xây dựng số 8 Thăng Long theo quy định hiện hành. Chúng tôi không được cung cấp các bằng chứng, hồ sơ kiểm toán nào liên quan đến nguyên nhân không thực hiện hợp nhất Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần xây dựng số 8 Thăng Long cũng như không được cung cấp Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty này. Do đó, chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng của việc nếu thực hiện hợp nhất Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần xây dựng số 8 Thăng Long đến Bảng cân đối kế toán hợp nhất, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023.
- Báo cáo tài chính năm 2017, 2018, 2019, 2020, 2021, 2022 và 2023 của Công ty cổ phần Lilama 3.4 chưa được kiểm toán. Do hạn chế về phạm vi kiểm toán, chúng tôi không thể xác định được tính hiện hữu và tồn tại của tổng giá trị tài sản 28.394.459.795 VND của Công ty con này tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 khi hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất và cũng không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh số liệu chênh lệch ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 hay không.
- Công ty trích lập thiếu dự phòng nợ phải thu khó đòi đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 4.110.000.000 VND. Điều này dẫn đến chỉ tiêu "Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi" (mã số 137)

và chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" (mã số 421) trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp phản ánh thừa số tiền 4.110.000.000 VND. Đồng thời chỉ tiêu "Chi phí quản lý doanh nghiệp" (mã số 26) và chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp" (mã số 60) trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 phản ánh thiếu số tiền nêu trên.

- Đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán này, chúng tôi chưa nhận được đầy đủ thư xác nhận của các khoản công nợ phải thu khách hàng, công nợ phải thu ngắn hạn khác (tạm ứng) và các khoản công nợ phải trả người bán ngắn hạn (giá trị cụ thể tại các thuyết minh 5.2, 5.4 và 5.13). Các thủ tục kiểm toán bổ sung cũng không cho phép chúng tôi kiểm tra được tính đúng đắn của số dư các khoản công nợ phải thu, phải trả nêu trên. Do vậy, chúng tôi không thể xác định được các điều chỉnh cần thiết đối với số dư công nợ phải thu và các khoản công nợ phải trả nêu trên tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng như việc ảnh hưởng của chúng đến các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.
- Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 khoản lỗ lũy kế ghi nhận trên báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty là 186.737.389.718 VND, vượt quá vốn chủ sở hữu là 135.237.389.718 VND. Bên cạnh đó, các khoản nợ phải trả ngắn hạn vượt so với tài sản ngắn hạn với giá trị là 137.628.323.094 VND. Các dấu hiệu trên cho thấy khả năng hoạt động liên tục của Công ty tùy thuộc vào việc góp bổ sung vốn điều lệ của các Cổ đông, việc giãn yêu cầu thanh toán của các chủ nợ cũng như các phương án tái cơ cấu tài chính khác để duy trì hoạt động.

Từ chối đưa ra ý kiến

Do tầm quan trọng của các vấn đề được nêu tại đoạn "cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

VŨ GIANG NAM

Phó Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán

Số: 5246-2021-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM

- CHI NHÁNH PHÍA BẮC

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 01 tháng 04 năm 2024

NGUYỄN VĂN VINH

Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN kiểm toán

Số: 5023 - 2020 - 009 - 1

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 01 – DN/HN

TÀI SẢN	Mã số	TM	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
A/ TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		205.559.348.006	201.292.310.387
I/ Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	166.020.960	430.736.858
1. Tiền	111		166.020.960	430.736.858
III/ Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	-	-
III/ Các khoản phải thu ngắn hạn	130		166.714.994.026	162.161.069.610
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	111.507.768.359	109.583.681.249
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	6.631.223.700	5.448.764.563
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	27.552.315.179	30.133.554.953
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(51.744.016.325)	(55.772.634.268)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		72.767.703.113	72.767.703.113
IV/ Hàng tồn kho	140	5.7	38.246.552.132	38.214.273.285
1. Hàng tồn kho	141		38.246.552.132	38.214.273.285
V/ Tài sản ngắn hạn khác	150		431.780.888	486.230.634
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		431.780.888	431.780.888
2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.15	-	54.449.746
B/ TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.396.900.834	3.091.120.211
I/ Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
III/ Tài sản cố định	220		711.319.240	909.421.520
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	711.319.240	909.421.520
- Nguyên giá	222		24.385.960.765	25.633.568.947
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(23.674.641.525)	(24.724.147.427)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	-	-
- Nguyên giá	228		72.835.000	104.050.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(72.835.000)	(104.050.000)
III/ Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV/ Tài sản dở dang dài hạn	240		1.275.187.028	1.263.650.205
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.10	1.275.187.028	1.263.650.205
VI/ Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	165.602.506	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		4.280.000.000	4.280.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		165.602.506	-
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(4.280.000.000)	(4.280.000.000)
VI/ Tài sản dài hạn khác	260		244.792.060	918.048.486
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.11	244.792.060	918.048.486
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		207.956.248.840	204.383.430.598

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 **Mẫu số B 01 – DN/HN**

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
C/ NỢ PHẢI TRẢ	300		353.307.144.181	348.247.384.435
I/ Nợ ngắn hạn	310		353.295.892.294	348.236.132.548
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	40.130.014.735	47.866.085.727
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.14	10.774.295.783	10.143.387.580
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.15	10.569.332.301	9.019.027.815
4. Phải trả người lao động	314		3.638.022.012	4.281.695.374
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.16	27.376.760.640	21.304.528.367
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.17	78.037.344.093	80.560.500.020
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.18	182.720.330.229	175.011.115.164
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		49.792.501	49.792.501
II/ Nợ dài hạn	330		11.251.887	11.251.887
1. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		11.251.887	11.251.887
D/ VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(145.350.895.341)	(143.863.953.837)
I/ Vốn chủ sở hữu	410	5.19	(145.350.895.341)	(143.863.953.837)
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		51.500.000.000	51.500.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		51.500.000.000	51.500.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		148.165.347	148.165.347
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		18.120.534	18.120.534
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(192.936.313.362)	(192.454.928.228)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(193.526.865.218)	(232.988.845.871)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		590.551.856	40.533.917.643
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		(4.080.867.860)	(3.075.311.490)
III/ Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		207.956.248.840	204.383.430.598

Đinh Tiên Thành
 Tổng Giám đốc
 Hà Nội, Việt Nam
 Ngày 01 tháng 04 năm 2024

Nguyễn Đức Thịnh
 Kế toán trưởng

Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 Mẫu số B 02 – DN/HN

	CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm nay VND	Năm trước VND
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	90.304.566.293	63.318.587.237
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		90.304.566.293	63.318.587.237
4.	Giá vốn hàng bán	11	6.2	76.795.790.027	55.238.758.871
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		13.508.776.266	8.079.828.366
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	1.214.045	177.618.657
7.	Chi phí tài chính	22	6.4	3.181.265.644	2.763.112.712
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		3.120.450.175	2.763.112.712
8.	Lợi nhuận từ đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	24		-	-
9.	Chi phí bán hàng	25		-	-
10.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	8.072.719.928	10.182.934.646
11.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.256.004.739	(4.688.600.335)
12.	Thu nhập khác	31	6.6	427.685.958	50.826.964.741
13.	Chi phí khác	32	6.7	2.227.502.779	5.598.247.780
14.	Lợi nhuận khác	40		(1.799.816.821)	45.228.716.961
15.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		456.187.918	40.540.116.626
16.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
17.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		456.187.918	40.540.116.626
19.	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	61		522.026.248	40.533.917.643
20.	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(65.838.330)	6.198.983
21.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.8	101	7.871
22.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.9	27	2.133

Đinh Tiên Thành
Tổng Giám đốc
Hà Nội, Việt Nam
Ngày 01 tháng 04 năm 2024

Nguyễn Đức Thịnh
Kê toán trưởng

Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 Mẫu số B 03 – DN/HN

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay VND	Năm trước VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	456.187.918	40.540.116.626
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	198.102.280	682.937.073
- Các khoản dự phòng	03	1.570.181.718	2.320.072.055
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	(21.358.720)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.214.045)	(4.939.226.789)
- Chi phí lãi vay	06	3.120.450.175	2.763.112.712
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	5.343.708.046	41.345.652.957
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(3.965.964.027)	(20.666.309.721)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(32.278.847)	607.700.371
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(5.412.957.013)	220.826.620.356
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	673.256.426	1.506.639.527
- Tiền lãi vay đã trả	14	(3.190.372.770)	(4.013.021.292)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(6.584.608.185)	239.607.282.198
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(11.536.823)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	4.207.407.408
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	11.000.000	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.214.045	770.517
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	677.222	4.208.177.925
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	64.547.344.559	39.892.077.141
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(58.228.129.494)	(283.803.097.871)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	6.319.215.065	(243.911.020.730)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(264.715.898)	(95.560.607)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	430.736.858	526.297.465
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	166.020.960	430.736.858

Đinh Tiến Thành
 Tổng Giám đốc
 Hà Nội, Việt Nam
 Ngày 01 tháng 04 năm 2024

Nguyễn Đức Thịnh
 Kế toán trưởng

Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 Mẫu số B 09 – DN/HN

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Lilama 3 được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước tiền thân là Công ty lắp máy và xây dựng số 3 thuộc Tổng công ty lắp máy Việt Nam theo quyết định số 449/QĐ-BXD ngày 16/03/2006 của Bộ trưởng Bộ xây dựng. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 180300048 ngày 22/06/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 12 số 2600104526 ngày 13/04/2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại số 86 đường Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 51.500.000.000 VND, tổng số cổ phần là 5.150.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phần.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là hoạt động xây lắp.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Thi công, xây dựng các công trình công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, dân dụng, giao thông, công trình thủy lợi, các công trình quốc phòng, đường điện và trạm biến thế;
- Khảo sát, thiết kế tư vấn xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng; Khảo sát thiết kế hệ thống thông tin liên lạc; tư vấn thiết kế công nghiệp các công trình sản xuất: vật liệu xây dựng, giấy và chế biến lương thực, thực phẩm;
- Thiết kế, đóng mới tàu thuyền, ca nô, xà lan và các phương tiện vận tải thủy đến 1000 tấn, sửa chữa thuyền, ca nô, xà lan và các phương tiện đường thủy;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà, bất động sản;
- Khai thác, sản xuất, kinh doanh vật tư, thiết bị, vật liệu xây dựng;
- Thi công xây dựng: san ủi mặt bằng, thi công nền móng đường bộ;
- Lắp ráp thiết bị, máy móc cho các công trình; cung cấp, lắp đặt và bảo trì thang máy;
- Chế tạo và lắp đặt: thiết bị nâng, dầm cầu trục đến 30 tấn, nồi hơi, ống áp lực và thiết bị chịu áp lực;
- Kinh doanh thương mại hợp nhất, nguyên vật liệu giấy, khí hóa lỏng và các chất đốt các loại; Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị và các dây chuyền công nghệ.

1.4 Cấu trúc của Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, công ty có 2 công ty con, 2 đơn vị trực thuộc và 1 công ty liên kết, cụ thể:

Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty Cổ phần Lilama 3.4 (công ty con)	Số 927 Hùng Vương, Việt Trì, Phú Thọ	59,36%	59,36%
Công ty Cổ phần xây dựng số 8 Thăng Long (công ty con)	Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội	72%	72%
Xí nghiệp Lilama 3.1	Cụm CN Bạch Hạc, Việt Trì, Phú Thọ	Chi nhánh	
Trung tâm tư vấn thiết kế	Lô 24-25 KCN Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội	Chi nhánh	
Công ty TNHH Lilama 3 - Dai Nippon Toryo (công ty liên kết)	Lô 24-25 KCN Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội	49%	49%

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 Mẫu số B 09 – DN/HN

Công ty đã bán một phần vốn đầu tư tại Công ty TNHH Lilama 3 – Dai Nippon Toryo (DNT) cho cá nhân khác tại ngày 29/12/2023. Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty tại DNT giảm xuống còn 49% và không còn là công ty con từ thời điểm này.

1.5 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.6 Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, không có hoạt động nào có ảnh hưởng đáng kể đến các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần LILAMA 3.

1.7 Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, tổng số nhân viên của Công ty là 82 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 103 người).

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.3 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp; Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC.

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các Thông tư hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán:

Ban Tổng giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán Việt Nam của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Các Công ty con

Các Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 Mẫu số B 09 – DN/HN

Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty và các Báo cáo tài chính của các Công ty con được lập đến ngày 31/12/2023.

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty con sẽ được đưa vào Báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày mua, là ngày Công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con. Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty con bị thanh lý được đưa vào Báo cáo của kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho đến ngày thanh lý.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Công ty mẹ trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của Công ty con tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này giữa Công ty mẹ và công ty con được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi cổ đông của Công ty và được trình bày riêng trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung hoặc chi phí liên quan khác, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất...) của hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

4.5 Các khoản phải thu và dự phòng nợ phải thu khó đòi

Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đỉnh, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 **Mẫu số B 09 – DN/HN**

Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng giảm dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4.6 Tài sản cố định và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao áp dụng theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn.

Chi phí trả trước dài hạn là chi phí phân bổ công cụ dụng cụ có giá trị lớn, giá trị còn lại của những tài sản có nguyên giá dưới 30 triệu theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25/04/2013. Các chi phí này phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng. Thời gian phân bổ theo quy định hiện hành.

4.8 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

Chi phí phải trả gồm các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4.9 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông/thành viên/chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đỉnh, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 **Mẫu số B 09 – DN/HN**

Thặng dư vốn Cổ phần

Thặng dư vốn Cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn Cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn Cổ phần".

4.10 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và có thông báo chi trả cổ tức của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

4.11 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên theo thông báo lãi của ngân hàng, vào thời điểm ngân hàng chuyển tiền vào tài khoản của Công ty.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 **Mẫu số B 09 – DN/HN**

Khi kết quả hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được khách hàng xác nhận trong năm thông qua các bằng hợp nhất khối lượng công việc hoàn thành. Các khoản tăng giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác chỉ được tính vào doanh thu khi đã thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong năm khi các chi phí này đã phát sinh.

Nếu doanh nghiệp có hợp đồng có rủi ro lớn, thì nghĩa vụ nợ hiện tại theo hợp đồng phải được ghi nhận và đánh giá như một khoản dự phòng. Hợp đồng có rủi ro lớn là hợp đồng mà trong đó chi phí bắt buộc phải trả cho các nghĩa vụ liên quan đến hợp đồng vượt quá lợi ích kinh tế dự tính thu được từ hợp đồng đó.

4.12 Giá vốn

Phản ánh giá trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong năm.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng hóa tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho.

Đối với phần giá trị hàng tồn kho mất mát, hao hụt, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có)).

Chi phí của hợp đồng xây dựng

Chi phí của hợp đồng xây dựng bao gồm:

Chi phí liên quan trực tiếp đến từng hợp đồng bao gồm: Chi phí nhân công tại công trường; Chi phí nguyên liệu, vật liệu, bao gồm cả thiết bị cho công trình; Khấu hao máy móc, thiết bị và các TSCĐ khác sử dụng để thực hiện hợp đồng; Chi phí vận chuyển, lắp đặt, tháo dỡ máy móc, thiết bị và nguyên liệu, vật liệu đến và đi khỏi công trình; Chi phí thuê nhà xưởng, máy móc, thiết bị để thực hiện hợp đồng; Chi phí thiết kế và trợ giúp kỹ thuật liên quan trực tiếp đến hợp đồng; Chi phí dự tính để sửa chữa và bảo hành công trình; Các chi phí liên quan trực tiếp khác. (Chi phí liên quan trực tiếp của từng hợp đồng sẽ được giảm khi có các khoản thu nhập khác không bao gồm trong doanh thu của hợp đồng. Ví dụ: Các khoản thu từ việc bán nguyên liệu, vật liệu thừa, thu thanh lý máy móc, thiết bị thi công khi kết thúc hợp đồng.)

Chi phí chung liên quan đến hoạt động của các hợp đồng xây dựng và có thể phân bổ cho từng hợp đồng, bao gồm: Chi phí bảo hiểm; Chi phí thiết kế và trợ giúp kỹ thuật không liên quan trực tiếp đến một hợp đồng cụ thể; Chi phí quản lý chung trong xây dựng.

Các chi phí trên được phân bổ theo các phương pháp thích hợp một cách có hệ thống theo tỷ lệ hợp lý và được áp dụng thống nhất cho tất cả các chi phí có các đặc điểm tương tự. Việc phân bổ cần dựa trên mức thông thường của hoạt động xây dựng.

4.13 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: Chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, dụng cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác.

Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm giảm số lỗ được chuyển khi tính thuế TNDN.

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đỉnh, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 **Mẫu số B 09 – DN/HN**

Khi kết quả hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được khách hàng xác nhận trong năm thông qua các bảng hợp nhất khối lượng công việc hoàn thành. Các khoản tăng giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thường và các khoản thanh toán khác chỉ được tính vào doanh thu khi đã thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong năm khi các chi phí này đã phát sinh.

Nếu doanh nghiệp có hợp đồng có rủi ro lớn, thì nghĩa vụ nợ hiện tại theo hợp đồng phải được ghi nhận và đánh giá như một khoản dự phòng. Hợp đồng có rủi ro lớn là hợp đồng mà trong đó chi phí bắt buộc phải trả cho các nghĩa vụ liên quan đến hợp đồng vượt quá lợi ích kinh tế dự tính thu được từ hợp đồng đó.

4.12 Giá vốn

Phản ánh giá trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong năm.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng hóa tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho.

Đối với phần giá trị hàng tồn kho mất mát, hao hụt, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có)).

Chi phí của hợp đồng xây dựng

Chi phí của hợp đồng xây dựng bao gồm:

Chi phí liên quan trực tiếp đến từng hợp đồng bao gồm: Chi phí nhân công tại công trường; Chi phí nguyên liệu, vật liệu, bao gồm cả thiết bị cho công trình; Khấu hao máy móc, thiết bị và các TSCĐ khác sử dụng để thực hiện hợp đồng; Chi phí vận chuyển, lắp đặt, tháo dỡ máy móc, thiết bị và nguyên liệu, vật liệu đến và đi khỏi công trình; Chi phí thuê nhà xưởng, máy móc, thiết bị để thực hiện hợp đồng; Chi phí thiết kế và trợ giúp kỹ thuật liên quan trực tiếp đến hợp đồng; Chi phí dự tính để sửa chữa và bảo hành công trình; Các chi phí liên quan trực tiếp khác. (Chi phí liên quan trực tiếp của từng hợp đồng sẽ được giảm khi có các khoản thu nhập khác không bao gồm trong doanh thu của hợp đồng. Ví dụ: Các khoản thu từ việc bán nguyên liệu, vật liệu thừa, thu thanh lý máy móc, thiết bị thi công khi kết thúc hợp đồng.)

Chi phí chung liên quan đến hoạt động của các hợp đồng xây dựng và có thể phân bổ cho từng hợp đồng, bao gồm: Chi phí bảo hiểm; Chi phí thiết kế và trợ giúp kỹ thuật không liên quan trực tiếp đến một hợp đồng cụ thể; Chi phí quản lý chung trong xây dựng.

Các chi phí trên được phân bổ theo các phương pháp thích hợp một cách có hệ thống theo tỷ lệ hợp lý và được áp dụng thống nhất cho tất cả các chi phí có các đặc điểm tương tự. Việc phân bổ cần dựa trên mức thông thường của hoạt động xây dựng.

4.13 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: Chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, dụng cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác.

Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm giảm số lỗ được chuyển khi tính thuế TNDN.

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 **Mẫu số B 09 – DN/HN**

4.14 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay phát sinh tại Công ty bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp.

Chi phí đi vay phát sinh trong năm được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

4.15 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành;

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp;

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

4.16 Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả phải nộp khác và các khoản vay ngắn hạn, dài hạn.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đỉnh, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤTCho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 **Mẫu số B 09 – DN/HN**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ cho nhau trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận và Công ty có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

4.17 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Tiền mặt	52.933.877	188.531.937
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	113.087.083	242.204.921
Cộng	166.020.960	430.736.858

5.2 Phải thu khách hàng

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu khách hàng là các bên liên quan				
Công ty Cổ phần Xây dựng số 8 Thăng Long	24.000.065.063	-	24.000.065.063	-
Phải thu khách hàng khác				
Tổng Công ty Lắp Máy Việt Nam	8.043.020.677	-	6.974.803.117	-
Công ty Cổ phần Lisemco	7.166.882.001	(7.166.882.001)	7.166.882.001	(7.166.882.001)
Công ty Cổ phần Giấy Bãi Bằng	4.650.967.168	(5.283.708.000)	4.650.967.168	(5.283.708.000)
Công ty CP Đầu tư công nghệ Hưng Vượng	7.421.374.793	-	5.497.300	-
Các khách hàng khác	60.225.458.657	(31.890.056.833)	66.785.466.600	(32.039.056.833)
Cộng	111.507.768.359	(44.340.646.834)	109.583.681.249	(44.489.646.834)

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤTCho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 **Mẫu số B 09 – DN/HN**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ cho nhau trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận và Công ty có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

4.17 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	52.933.877	188.531.937
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	113.087.083	242.204.921
Cộng	166.020.960	430.736.858

5.2 Phải thu khách hàng

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu khách hàng là các bên liên quan				
Công ty Cổ phần Xây dựng số 8 Thăng Long	24.000.065.063	-	24.000.065.063	-
Phải thu khách hàng khác				
Tổng Công ty Lắp Máy Việt Nam	8.043.020.677	-	6.974.803.117	-
Công ty Cổ phần Lisemco	7.166.882.001	(7.166.882.001)	7.166.882.001	(7.166.882.001)
Công ty Cổ phần Giấy Bãi Bằng	4.650.967.168	(5.283.708.000)	4.650.967.168	(5.283.708.000)
Công ty CP Đầu tư công nghệ Hưng Vượng	7.421.374.793	-	5.497.300	-
Các khách hàng khác	60.225.458.657	(31.890.056.833)	66.785.466.600	(32.039.056.833)
Cộng	111.507.768.359	(44.340.646.834)	109.583.681.249	(44.489.646.834)

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đỉnh, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤTCho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 **Mẫu số B 09 – DN/HN****5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	31/12/2023		01/01/2023	
	VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Trả trước bên liên quan				
Công ty Cổ phần Xây dựng số 8 Thăng Long	1.417.533.400	-	649.433.400	-
Trả trước các khách hàng khác				
Công ty Cổ phần Ngọc Việt Linh	868.188.137	-	868.188.137	(868.188.137)
Công ty cổ phần Đầu tư công nghệ Hưng Vượng	937.634.580			
Các khoản khác	3.407.867.583	(2.753.380.421)	3.931.143.026	(1.885.192.284)
Cộng	6.631.223.700	(2.753.380.421)	5.448.764.563	(2.753.380.421)

5.4 Các khoản phải thu khác ngắn hạn

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Tiền tạm ứng cho CBNV	8.564.159.840	(4.458.010.666)	8.376.703.645	(4.485.628.102)
Phải thu khác	18.988.155.339	(4.018.656.919)	21.756.851.308	(4.043.978.911)
Cộng	27.552.315.179	(8.476.667.585)	30.133.554.953	(8.529.607.013)

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đỉnh, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 – DN/HN

5.5 Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	31/12/2023		Thời gian quá hạn	01/01/2023	
		Giá gốc VND	Dự phòng VND		Giá gốc VND	Dự phòng VND
Phải thu khách hàng		44.772.968.319	(40.513.968.319)		48.599.646.834	(44.489.646.834)
- Công ty Cổ phần Lisemco	> 3 năm	7.166.882.001	(7.166.882.001)	> 3 năm	7.166.882.001	(7.166.882.001)
- Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên	> 3 năm	4.206.430.034	(4.206.430.034)	> 3 năm	4.206.430.034	(4.206.430.034)
- Công ty Cổ phần Giấy Bãi Bằng	> 3 năm	5.283.708.000	(5.283.708.000)	> 3 năm	5.283.708.000	(5.283.708.000)
- BQLDA Nhà máy bột giấy Phương Nam (Tcty giấy VN)	> 3 năm	2.663.068.439	(2.663.068.439)	> 3 năm	2.663.068.439	(2.663.068.439)
- Công ty TNHH KC COTTRELL Việt Nam	> 3 năm	1.913.994.851	(1.913.994.851)	> 3 năm	1.913.994.851	(1.913.994.851)
- Công ty Cổ phần Chế tạo máy - TKV		-	-	> 3 năm	1.915.071.667	(1.915.071.667)
- Công ty Cổ phần LILAMA5		-	-	> 3 năm	1.841.160.504	(1.841.160.504)
- Công ty TNHH MTV Phiabjooc		-	-	> 3 năm	1.455.082.688	(1.455.082.688)
- Công ty Cổ phần LILAMA Thí nghiệm cơ điện		-	-	> 3 năm	1.240.824.355	(1.240.824.355)
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 8 Thăng Long	> 3 năm	4.110.000.000	-	> 3 năm	4.110.000.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư công nghệ Hưng Vượng		-	-	> 3 năm	1.504.736.200	(1.504.736.200)
- Đối tượng khác	> 3 năm	19.428.884.994	(19.279.884.994)	2-3 năm, > 3 năm	15.298.688.095	(15.298.688.095)
Phải thu khác		8.476.667.585	(8.476.667.585)		8.529.607.013	(8.529.607.013)
- Tạm ứng nhân viên	> 3 năm	4.458.010.666	(4.458.010.666)	> 3 năm	4.485.628.102	(4.485.628.102)
- Đối tượng khác	> 3 năm	4.018.656.919	(4.018.656.919)	> 3 năm	4.043.978.911	(4.043.978.911)
Trả trước cho người bán		2.753.380.421	(2.753.380.421)		2.753.380.421	(2.753.380.421)
- Công ty Cổ phần Ngọc Việt Linh	> 3 năm	868.188.137	(868.188.137)	> 3 năm	868.188.137	(868.188.137)
- Đối tượng khác	> 3 năm	1.885.192.284	(1.885.192.284)	> 3 năm	1.885.192.284	(1.885.192.284)
Cộng		56.003.016.325	(51.744.016.325)		59.882.634.268	(55.772.634.268)

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đỉnh, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤTCho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 **Mẫu số B 09 – DN/HN****5.6 Tài sản thiếu chờ xử lý**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Số lượng VND	Giá trị VND	Số lượng VND	Giá trị VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (i)	-	71.391.018.932	-	71.391.018.932
Tài sản khác	-	1.376.684.181	-	1.376.684.181
Cộng	-	72.767.703.113	-	72.767.703.113

(i): Chi phí đầu tư dự án Nhà máy Bạch học chưa đủ điều kiện quyết toán theo quy định.

5.7 Hàng tồn kho

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	3.596.256.564	-	2.559.098.067	-
Công cụ, dụng cụ	345.113	-	1.457.528	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	34.649.950.455	-	35.508.311.054	-
Hàng hóa	-	-	145.406.636	-
Cộng	38.246.552.132	-	38.214.273.285	-

5.8 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	33.331.818	455.193.471
Chi phí sửa chữa TSCĐ	-	8.660.000
Các khoản khác	211.460.242	454.195.015
Cộng	244.792.060	918.048.486

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤTCho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 **Mẫu số B 09 – DN/HN****5.9 Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại 01/01/2023	104.050.000	104.050.000
Số dư tại 31/12/2023	<u>104.050.000</u>	<u>104.050.000</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN		
Số dư tại 01/01/2023	104.050.000	104.050.000
Khấu hao trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2023	<u>104.050.000</u>	<u>104.050.000</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Số dư tại 01/01/2023	-	-
Số dư tại 31/12/2023	<u>-</u>	<u>-</u>

5.10 Tài sản dở dang dài hạn

	01/01/2023 VND	Chi phí phát sinh trong năm VND	31/12/2023 VND
Nâng cấp Sửa chữa NM Bến Gót- Việt Trì	359.867.043	11.536.823	371.403.866
XD Xưởng sản xuất bột giấy Yên Lập	577.910.298	-	577.910.298
Xây dựng hạ tầng khu C1	325.872.864	-	325.872.864
	<u>1.263.650.205</u>	<u>11.536.823</u>	<u>1.275.187.028</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B09 – DN/HN

5.11 Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2023	3.746.100.789	9.358.152.911	12.355.843.884	173.471.363	25.633.568.947
Phân loại lại	-	88.345.456	(88.345.456)	-	-
Giảm do thoái vốn tại công ty con	-	(392.409.091)	(822.699.091)	(32.500.000)	(1.247.608.182)
Số dư tại 31/12/2023	3.746.100.789	9.054.089.276	11.444.799.337	140.971.363	24.385.960.765
GIÁ TRỊ HAO MÒN					
Số dư tại 01/01/2023	3.746.100.789	9.238.826.240	11.565.749.035	173.471.363	24.724.147.427
Khấu hao trong năm	-	61.822.008	136.280.272	-	198.102.280
Phân loại lại	-	70.649.532	(70.649.532)	-	-
Giảm do thoái vốn tại công ty con	-	(392.409.091)	(822.699.091)	(32.500.000)	(1.247.608.182)
Số dư tại 31/12/2023	3.746.100.789	8.978.888.689	10.808.680.684	140.971.363	23.674.641.525
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số dư tại 01/01/2023	-	119.326.671	790.094.849	-	909.421.520
Số dư tại 31/12/2023	-	75.200.587	636.118.653	-	711.319.240
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng:					
Số dư tại 01/01/2023	3.746.100.789	7.992.985.730	10.693.292.974	173.471.363	22.605.850.856
Số dư tại 31/12/2023	3.746.100.789	9.000.473.154	10.918.445.702	173.471.363	23.838.491.008

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đỉnh, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B09 – DN/HN

5.12 Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2023			01/01/2023		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá hợp lý VND
Đầu tư vào công ty con	4.280.000.000	(4.280.000.000)	-	4.280.000.000	(4.280.000.000)	-
Công ty cổ phần xây dựng số 8 Thăng Long	4.280.000.000	(4.280.000.000)	(i)	4.280.000.000	(4.280.000.000)	(i)
Cộng	4.280.045.291	(4.280.000.000)	-	4.280.044.927	(4.280.000.000)	-

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Giá trị theo PP VCSH VND	Giá gốc VND	Giá trị theo PP VCSH VND
Đầu tư vào công ty liên kết	5.586.000.000	165.602.506	-	-
Công ty TNHH Lilama 3 - Dai Nippon Toryo	5.586.000.000	165.602.506	-	-
Cộng	5.586.000.000	165.602.506	-	-

(i) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá trị niêm yết do có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B09 – DN/HN

5.13 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số phải thu tại 01/01/2023	Số phải nộp tại 01/01/2023	Số phải nộp, tăng khác trong năm	Số thực nộp trong năm	Số phải thu tại 31/12/2023	Số phải nộp tại 31/12/2023
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	7.390.389.121	2.826.888.824	1.246.193.118	-	8.971.084.827
Thuế thu nhập doanh nghiệp	54.449.746	-	54.449.746	-	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	158.699.559	121.794.094	96.233.760	-	184.259.893
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	164.786.120	-	-	-	164.786.120
Các loại thuế khác	-	1.305.153.015	79.001.338	134.952.892	-	1.249.201.461
Cộng	54.449.746	9.019.027.815	3.082.134.002	1.477.379.770	-	10.569.332.301

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤTCho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 **Mẫu số B 09 – DN/HH****5.14 Phải trả người bán**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty Cổ phần Đầu tư công nghệ Hưng Vượng	937.634.580	937.634.580	7.124.514.355	7.124.514.355
Công ty Cổ phần Công trình đường thủy VINAWACO	2.136.323.282	2.136.323.282	2.136.323.282	2.136.323.282
Công ty CP Hồng Mã	1.500.000.000	1.500.000.000	2.048.810.761	2.048.810.761
Phải trả đối tượng khác	35.556.056.873	35.556.056.873	36.556.437.329	36.556.437.329
Cộng	40.130.014.735	40.130.014.735	47.866.085.727	47.866.085.727

5.15 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Trung tâm chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn	2.101.516.200	2.101.516.200	2.101.516.200	2.101.516.200
Tổng Công ty Viễn Thông Quân Đội- Viettel	785.000.000	785.000.000	785.000.000	785.000.000
Khách hàng khác	7.887.779.583	7.887.779.583	7.256.871.380	7.256.871.380
Cộng	10.774.295.783	10.774.295.783	10.143.387.580	10.143.387.580

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤTCho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 **Mẫu số B 09 – DN/HN****5.16 Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2023	01/01/2023
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Trích trước chi phí công trình	18.610.781.132	12.809.008.891
Trích trước thuê cơ sở hạ tầng	6.263.649.456	6.155.761.288
Chi phí khác	2.502.330.052	2.339.758.188
Cộng	27.376.760.640	21.304.528.367

5.17 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Kinh phí công đoàn	1.601.796.665	1.601.796.665	1.645.289.503	1.645.289.503
Bảo hiểm xã hội	45.516.350.545	45.516.350.545	44.050.298.014	44.050.298.014
Lãi vay phải trả	49.557.334	49.557.334	119.479.929	119.479.929
Phải trả khác	30.869.639.549	30.869.639.549	34.745.432.574	34.745.432.574
Cộng	78.037.344.093	78.037.344.093	80.560.500.020	80.560.500.020

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 Mẫu số B 09 – DN/HN

	31/12/2023	01/01/2023
	<i>Cổ phiếu</i>	<i>Cổ phiếu</i>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	51.500.000.000	51.500.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	51.500.000.000	51.500.000.000
Cổ phiếu phổ thông	51.500.000.000	51.500.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	51.500.000.000	51.500.000.000
Cổ phiếu phổ thông	51.500.000.000	51.500.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Doanh thu hoạt động xây lắp	90.304.566.293	63.318.587.237
Cộng	90.304.566.293	63.318.587.237

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Giá vốn hoạt động xây lắp	76.795.790.027	55.238.758.871
Cộng	76.795.790.027	55.238.758.871

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.214.045	770.517
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	155.489.420
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	21.358.720
Cộng	1.214.045	177.618.657

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đỉnh, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤTCho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 **Mẫu số B 09 – DN/HN****6.4 Chi phí tài chính**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	3.120.450.175	2.763.112.712
Lỗ chênh lệch tỷ giá	60.815.469	-
Cộng	3.181.265.644	2.763.112.712

6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	4.790.404.353	4.044.821.271
Chi phí đồ dùng văn phòng	857.861.431	1.483.983.612
Chi phí khấu hao TSCĐ	129.405.272	129.405.272
Thuế, phí và lệ phí	44.298.083	34.202.460
Chi phí dự phòng	(201.939.428)	2.320.072.055
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.452.690.217	2.170.449.976
Cộng	8.072.719.928	10.182.934.646

6.6 Thu nhập khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	4.938.456.272
Thu nhập từ công nợ phải trả không xác định được chủ nợ đã xóa sổ	-	25.974.314.090
Thu nhập khác kế thừa từ DATC	-	19.890.065.063
Thu nhập khác	427.685.958	24.129.316
Cộng	427.685.958	50.826.964.741

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 Mẫu số B 09 – DN/HN

6.7 Chi phí khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá trị còn lại TSCĐ bàn giao cho chủ nợ để xử lý tài sản đảm bảo	-	3.071.280.404
Chi phí phạt vi phạm hành chính	-	2.136.628.272
Chi phí tận thu phế liệu	-	13.893.909
Chi phí khác	2.227.502.779	376.445.195
Cộng	2.227.502.779	5.598.247.780

6.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	522.026.248	40.533.917.643
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông công ty mẹ	522.026.248	40.533.917.643
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	5.150.000	5.150.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	101	7.871

6.9 Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	522.026.248	40.533.917.643
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông công ty mẹ	522.026.248	40.533.917.643
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	5.150.000	5.150.000
Cổ phiếu phổ thông dự kiến phát hành từ nguồn vốn CSH	13.850.000	13.850.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	27	2.133

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đỉnh, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤTCho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 **Mẫu số B 09 – DN/HN****6.10 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân công	16.417.082.802	9.858.239.803
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ	21.763.627.478	35.123.949.272
Chi phí khấu hao tài sản cố định	198.102.280	682.937.073
Chi phí dự phòng	(201.939.428)	2.320.072.055
Chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí khác	45.522.091.357	16.070.895.802
Cộng	83.698.964.489	64.056.094.005

6.11 Công cụ tài chính**Quản lí rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty vừa có thể hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các Công ty thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ đã trình bày tại Bảng cân đối kế toán, phần vốn thuộc sở hữu của Công ty bao gồm vốn góp và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu được trình bày tại Thuyết minh số 4.16.

Các loại công cụ tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤTCho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 **Mẫu số B 09 – DN/HN**

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	31/12/2023		01/01/2023		31/12/2023	01/01/2023
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	VND	VND
Tài sản tài chính						
Tiền và các khoản tương đương tiền	166.020.960	-	430.736.858	-	166.020.960	430.736.858
Phải thu khách hàng	111.507.768.359	(44.340.646.834)	109.583.681.249	(44.489.646.834)	67.167.121.525	65.094.034.415
Phải thu khác	18.988.155.339	(8.476.667.585)	21.756.851.308	(8.529.607.013)	10.511.487.754	13.227.244.295
	130.661.944.658	(52.817.314.419)	131.771.269.415	(53.019.253.847)	77.844.630.239	78.752.015.568
Nợ phải trả tài chính						
Vay và nợ	182.720.330.229	-	175.011.115.164	-	182.720.330.229	175.011.115.164
Phải trả người bán	40.130.014.735	-	47.866.085.727	-	40.130.014.735	47.866.085.727
Phải trả khác	30.919.196.883	-	34.864.912.503	-	30.919.196.883	34.864.912.503
	253.769.541.847	-	257.742.113.394	-	253.769.541.847	257.742.113.394

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và Nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc này. Thông tư số 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và Thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤTCho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 **Mẫu số B 09 – DN/HN****5.18 Vay và nợ thuê tài chính**

	31/12/2023		Trong năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	
	VND	VND	VND	
Vay các bên liên quan	146.147.200.000	146.147.200.000	1.390.000.000	
Ông Doãn Thanh Tuấn (i)	144.757.200.000	144.757.200.000		
Công ty TNHH Lilama 3 - Dai Nippon Toryo (ii)	1.390.000.000	1.390.000.000	1.390.000.000	
Vay các đối tượng khác	36.573.130.229	36.573.130.229	64.547.344.559	58.228.1:
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - CN Ba Đình (iii)	26.975.502.229	26.975.502.229	38.810.344.559	37.823.1:
Vay cá nhân khác(iv)	9.597.628.000	9.597.628.000	25.737.000.000	20.405.0:
Cộng	182.720.330.229	182.720.330.229	65.937.344.559	58.228.1:

- (i) Các khoản nợ vay, nợ phải trả mà Ông Doãn Thanh Tuấn đã mua lại từ Công ty TNHH MTV mua bán nợ Việt Nam (DATC) thông qua đấu giá tại Công ty Cổ phần chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội ngày 19/01/2022 với giá trị là 381.559.015.129 VND, trong đó số tiền gốc là 148.705.200.000 VND, số tiền lãi là 232.853.815.129 VND. Theo biên bản thoả thuận cơ cấu xử lý khoản nợ ngày 02/12/2022 giữa Công ty và ông Doãn Thanh Tuấn thì ông Tuấn đã đồng ý xoá nợ khoản lãi phải trả với số tiền là 232.853.815.129 VND và đồng ý không tính lãi đối với phần nợ gốc còn lại từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2023. Số dư nợ gốc tại ngày 31/12/2023 là 144.757.200.000 VND, dự kiến được cơ cấu lại theo biên bản thoả thuận thông qua phương án phát hành cổ phiếu để hoán đổi nợ với số lượng cổ phiếu hoán đổi là 13.850.000 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu tương đương số nợ gốc là 138.500.000.000 VND.
- (ii) Vay Công ty TNHH Lilama 3 – Dai Nippon Toryo theo hợp đồng vay số 0212/HĐVV ký ngày 01 tháng 08 năm 2012 với thời hạn là 03 tháng và mức lãi suất là 14%/năm. Khoản cho vay ngắn hạn này không có tài sản đảm bảo. Khoản vay đã được gia hạn đến ngày 01 tháng 02 năm 2020 và được điều chỉnh lãi suất xuống còn 9%/năm kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2014. Giá trị 1.390.000.000 VND tăng trong năm là do Công ty đã thoái vốn tại Công ty DNT và không loại trừ khoản công nợ nội bộ khi hợp nhất nữa.
- (iii) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP BIDV - chi nhánh Ba Đình theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2023/399106/HĐTD ngày 17/02/2023 nhằm bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty. Thời hạn cấp hạn mức đến hết 31/12/2023. Hạn mức cấp tín dụng là 49 tỷ VND. Lãi suất theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể. Tài sản đảm bảo cho các khoản theo Hợp đồng Tài sản đảm bảo với Ngân hàng TMCP BIDV - chi nhánh Ba Đình.
- (iv) Vay ngắn hạn của các cá nhân để bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay từ 6-12 tháng, lãi suất theo lãi suất của Ngân hàng BIDV + 3,5% (cộng thêm 3,5%), hình thức đảm bảo: tín chấp.

5.19 Vốn chủ sở hữu**5.19.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu****5.19.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤTCho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 **Mẫu số B 09 – DN/HN**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	
	VND	VND	VND	VND	
Số dư tại 01/01/2022	51.500.000.000	14.250.000.000	7.321.404.463	252.309.767	(487.5
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	40.1
Tăng do được xoá nợ	-	-	-	-	232.1
Tăng khác (i)	-	-	-	-	21.0
Giảm khác (i)	-	(14.250.000.000)	(7.173.239.116)	(234.189.233)	
Số dư tại 31/12/2022	51.500.000.000	-	148.165.347	18.120.534	(192.4
Số dư tại 01/01/2023	51.500.000.000	-	148.165.347	18.120.534	(192.4
Lãi/lỗ trong năm nay	-	-	-	-	!
Giảm khác (ii)	-	-	-	-	(1.0
Số dư tại 31/12/2023	51.500.000.000	-	148.165.347	18.120.534	(192.9

- (i) Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 06/NQ-ĐHĐCĐ ngày 31/03/2022 đã thông qua phương án sử dụng nguồn thặng dư vốn cổ phần và các quỹ để bù đắp lỗ lũy kế.
- (ii) Công ty đã bán một phần vốn đầu tư tại Công ty TNHH Lilama 3 – Dai Nippon Toryo (DNT) cho cá nhân khác tại ngày 29/12/2023. Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty tại DNT giảm xuống còn 49% và không còn là công ty con từ thời điểm này.

5.19.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Tỷ lệ %	Giá trị VND	Tỷ lệ %
Ông Doãn Thanh Tuấn	25.630.000.000	49,77%	25.630.000.000	49,77%
Vốn góp của cổ đông khác	25.870.000.000	50,23%	25.870.000.000	50,23%
Cộng	51.500.000.000	100%	51.500.000.000	100%

5.19.3 Cổ phiếu

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤTCho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 **Mẫu số B 09 – DN/HN****Quản lí rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và vận hành các chính sách nhằm kiểm soát rủi ro (phát hiện, ngăn ngừa và hạn chế ảnh hưởng của các rủi ro).

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá, lãi suất, giá hàng hóa và giá khác như giá cổ phiếu. Mục tiêu của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát mức độ rủi ro trong giới hạn chấp nhận được trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó.

Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các khoản nợ phải trả tài chính theo thời hạn thanh toán. Số liệu trình bày trên cơ sở dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm VND	Cộng VND
Nợ phải trả tài chính			
Tại ngày 31/12/2023			
Vay và nợ	182.720.330.229	-	182.720.330.229
Phải trả người bán	40.130.014.735	-	40.130.014.735
Phải trả khác	30.919.196.883	-	30.919.196.883
Cộng	253.769.541.847	-	253.769.541.847
Tại ngày 01/01/2023			
Vay và nợ	175.011.115.164	-	175.011.115.164
Phải trả người bán	47.866.085.727	-	47.866.085.727
Phải trả khác	34.864.912.503	-	34.864.912.503
Cộng	257.742.113.394	-	257.742.113.394

Bảng sau đây trình bày chi tiết tài sản tài chính theo mức đáo hạn. Số liệu được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu.

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 Mẫu số B 09 – DN/HN

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm VND	Cộng VND
Tài sản tài chính			
Tại ngày 31/12/2023			
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.101.423.416	-	6.101.423.416
Phải thu khách hàng và phải thu khác	6.401.062.260	-	6.401.062.260
Cộng	12.502.485.676	-	12.502.485.676
Tại ngày 01/01/2023			
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.784.746.249	-	1.784.746.249
Phải thu khách hàng và phải thu khác	5.207.063.400	-	5.207.063.400
Cộng	6.991.809.649	-	6.991.809.649

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

6.12 Báo cáo bộ phận

Hiện tại hoạt động kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh chế tạo, lắp đặt thiết bị cũng như chỉ hoạt động trong khu vực địa lý lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày báo cáo bộ phận.

7 THÔNG TIN KHÁC**7.1 Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

7.2 Thông tin về các bên liên quan

Giao dịch với thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan đến thành viên quản lý chủ chốt:

Các thành viên quản lý chủ chốt bao gồm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng. Các cá nhân có liên quan đến thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 Mẫu số B 09 – DN/HN

Bên liên quan	Mối quan hệ	Năm nay	Năm trước
Lương, thù lao HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng			
Nguyễn Tiến Thành	Chủ tịch HĐQT	286.321.325	267.938.649
Đình Tiến Thành	Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc	294.173.143	265.551.742
Nguyễn Hải Phong	Thành viên HĐQT - Phó TGD	251.527.769	132.523.504
Doãn Thanh Tuấn	Thành viên HĐQT	250.240.364	-
Nguyễn Tăng Phương	Phó TGD	245.082.400	211.899.290
Tạ Như Điền	Trưởng ban kiểm soát	192.487.910	183.089.430
Hoàng Trọng Kim	Kiểm soát viên	362.900.873	250.198.467
Đặng Anh Tuấn	Kiểm soát viên	103.794.156	-
Nguyễn Đức Thịnh	Thành viên HĐQT - Kế toán trưởng	276.844.855	235.835.567

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan, các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung	Năm nay	Năm trước
			VND	VND
Ông Doãn Thanh Tuấn	Cổ đông lớn - Thành viên HĐQT	Giảm nợ vay	-	236.801.815.129
Công ty cổ phần Xây Dựng số 8 Thăng Long	Công ty con	Thu nhập khác	-	19.890.065.063
		Thuê cơ sở hạ tầng	327.272.728	-

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính, Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày trong các thuyết minh ở Mục 5

7.3 Thông tin so sánh

Số liệu so sánh đầu năm trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và số liệu so sánh năm trước trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất là số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

7.4 Thông tin về hoạt động liên tục

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 khoản lỗ lũy kế ghi nhận trên báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty là 186.737.389.718 VND, vượt quá vốn chủ sở hữu là 135.237.389.718 VND. Bên cạnh đó, các khoản nợ phải trả ngắn hạn vượt so với tài sản ngắn hạn với giá trị là 137.628.323.094 VND. Các dấu hiệu trên cho thấy khả năng hoạt động liên tục của Công ty tùy thuộc vào việc góp bổ sung vốn điều lệ của các Cổ đông, việc giãn yêu cầu thanh toán của các chủ nợ cũng như các phương án tái cơ cấu tài chính khác để duy trì hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2024 sẽ khả quan, do đó theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 của Công ty vẫn được lập dựa trên giả định hoạt động liên tục.

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 Mẫu số B 09 – DN/HN

7.5 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính

Đinh Tiến Thành

Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 01 tháng 04 năm 2024

Nguyễn Đức Thịnh

Kế toán trưởng

Người lập biểu

Hà Nội, ngày 19 tháng 04 năm 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3



[Handwritten signature in blue ink]

TỔNG GIÁM ĐỐC

Dinh Tiên Thành

C.P. N.